

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

- * Xóa bỏ hai tiếng « mày, tao » giữa
giới trí-thức ngày nay *Phạm-mạnh-Phan*
- * Vở kịch bà Trưng *Ứng-Hòa*
- * Tra nghĩa chữ nho (XXV) *Nguyễn-văn-Tổ*
- * Muốn khảo về tư tưởng học-thuyết
Mặc-Dịch, phải căn cứ vào đâu ? *Hoa-Bằng*
- * Ai phối yếu muốn tắm nắng ? *Bác sĩ Lê-văn-Ngôn*
- * Nam-đàn bát châu (XII) *Nguyễn-đón-Phục*
- * Đọc bản dịch « Kim Vân Kiều » *Nguyệt Hằng*
- * Xem diễn kịch « Đồng binh » và
« Vân muối » *Cây Thông*
- * Cách đặt tiếng việt mới dùng làm
chữ chuyên-môn (IV) *Nguyễn-trọng-Thuyết*
- * Kênh đào Suez và kênh đào Panama
(Thời đàm) *Nhật-Nham*
- * Tài - liệu đề đình chính những bài
văn cổ (LII) *Ứng-Hòa*
- * Văn thơ tiếng ta (II) *Đỗ-Thúc*
- * Hà-nội — Việntiane trong hai giờ (I) *Vũ-Nhật*
- * Tùy hứng *Bà Mộng-Sơn*
- * Đêm hội Long-tri (Tiểu-thuyết, IV) *Nguyễn-Huy-Tướng*

MỘT ĐỀ NGHỊ TRONG SỰ XUNG HỘ

Xóa bỏ hai tiếng “MÀY, TAO” giữa hàng trí-thức nước nhà

PHẠM-MẠNH-PHAN

TRẢI mấy nghìn năm, dân-tộc Việt-Nam này đã từng hấp thụ nền văn-hóa Trung-hoa và đã chịu ảnh-hưởng một cách sâu xa của nước con Trời.

Phác kê ra đây những ảnh-hưởng ấy là một việc thừa vì độc-giả ai còn không rõ ràng từ cách sinh-hoạt hằng ngày tới các tín-ngưỡng và phong tục, các tiên tổ chúng ta phần nhiều đều phỏng theo họ mà trên lịch sử nhiều phen tiên nhân chúng ta phải ngậm ngùi khi khuất phục!

Học chữ Hán, viết chữ Hán và nhiều khi các cụ chúng ta trong những câu chuyện tào giữa người đồng chủng, cũng nói chuyện và xưng hô bằng chữ Hán.

Đến nay, sự tình cờ trên lịch sử cho chúng ta làm quen với nền văn minh Âu, Mỹ.

Xưa kia các tiên nhân chúng ta kính phục, say mê văn hóa Trung-hoa bao nhiêu thì ngày nay chúng ta lại say-sưa, mến phục và nhiều khi nhầm lẫn theo liều cái văn hóa Âu tây bấy nhiêu.

Trên con đường lầm lỗi của thời-gian, chiếc xe đồ hầy còn ghi dấu-vết, nên người Nam chúng ta trải bao thế kỷ vẫn tỏ ra là người của muôn thừa, ưa bắt chước, thích theo trào-lưu của một thời mà ít khi đề tâm tới việc tự mình gây lấy cho mình, bất cứ về phương-diện nào, một tính cách hoàn toàn Nam-việt.

Trong trường xã-giao, mỗi khi hai người gặp mặt, nêu không dùng tiếng ngoại quốc để tỏ ra

minh là hạng người có tân học (!) thì cũng dùng một thứ tiếng « lai »: hết « vu, vu » lại « toa, moa » một cách nực cười lỗ bịch!

Đi xa hơn nữa, một hạng người trong hàng trí-thức muốn tỏ tình thân mật với nhau, liền dùng một cách trắng-trợn hai chữ « mày, tao » như những phường vô giáo-dục giữa mặt mọi người mà không chút sượng sùng e-lệ.

Họ gọi nhau bằng « mày, tao » để tỏ ra họ là hạng người văn-minh có học, biết theo cách xưng-hô của người ngoại-quốc mà đem « nhập cảng » vào xã hội Việt-nam cách xưng-hô mới ấy.

Vốn sẵn có cái óc đón hèn, chỉ phỏng theo một cách mù quáng của người nên họ đã tỏ ra rằng chính họ không hiểu chữ « tu », một nhân-xưng đại-danh-từ (pronoun personnel) của văn Pháp.

Chữ « tu » của người Pháp dùng không những trong tình bè-bạn để tỏ tình thân-mật, mà còn để dùng cả người dưới với người trên trong một vài trường-hợp.

Một người dùng tiếng Pháp nói với bạn, hoặc viết thư cho bố, mẹ không dùng chữ « tu » mà lại dùng chữ « vous », người ấy tỏ ra rằng mình chưa rõ văn Pháp.

Nếu nay một bạn trẻ vin vào đó mà khi nói với người trên dịch nguyên văn thì, tôi tưởng, bạn đó đang tội hỗn xược tới cực điểm.

Thường ngày chúng ta vẫn thấy một số thanh-niên tân-học gọi nhau bằng « mày, tao » với một vẻ

rất tự-nhiên trước công-chúng.

Họ không hằng đề ý tới sự ngạc-nhiên của người quanh họ trước những ngôn-ngữ ấy.

Giữa đám đông người, ngoài phố, trên xe điện, những người học-thức ấy an nói như thế thì khác nào hạng người vô học!

Một số thiếu nữ thơ ngây miệng còn hơi sữa, bập-bẹ vài câu tiếng Pháp, an vận theo lối tân-thời để tự phụ tưởng mình là *gái mới*.

Với một dúm chữ ở trong đầu, họ dương dương tự đắc, nói năng cử chỉ ngông nghênh một cách chướng tai ngứa mắt!

Độc giả hãy đọc những câu này mà chúng tôi thuật nguyên văn thường khi nghe thấy thốt ra tự miệng một số nữ học-sinh ở các trường:

— Mày đi đâu đấy! Tao vừa gặp bà via mày nhân nhó về việc *kép* định *lon* mày! Trong thư nó « xỏ » ra đề « lòi » mày bao nhiêu là những chữ a-mua, a miếc!

— Thôi « con » lạy mày đi! Mày đừng bịp tao, « ông » thì đọc rõ trong đầu óc mày rồi!

Nếu thi-sĩ Tản-Đà còn sống tới ngày nay thì, trước những ngôn ngữ cử-chỉ ấy của hạng người có học mà mất dạy, chắc thề nào cũng phải ngao ngán nhẽ mà ngậm lại hai câu thơ đầy vẻ ưu thời mẫn thế:

Chẳng riêng gì một số thanh niên nam nữ mới nhớn lên, trong tim còn chứa đầy những tình cảm trong-trắng mới có những ngôn-ngữ ấy.

Một điều ngạc-nhiên hơn hết là một số người trong xã-hội trên đầu thường đã điểm màu sừng tuyết với chùm râu bạc chầy dài trên ngực, mà cũng xưng « mày, tao » với nhau !

Đứng trước một ông già khúm núm, một người hét :

— « Mày mang giấy đi đâu ? Đưa tao xem ! »

— « Mày ở đâu, làng nào, cứ về, tao sẽ gọi ! »

Trong các gia-đình, trước đàn con trẻ thơ ngây, chúng ta vẫn thường thấy một số người đứng tuổi gọi nhau bằng « mày, tao »

Họ không rõ những con cái họ vốn trẻ đại hay bắt chước, sẽ theo gương họ mà hỗn xược với người chung quanh.

Hơn nữa ở học-đường, chúng được hấp thụ những bài luân-lý về lễ-phép mà, trái lại, ở nhà, chúng lại được chính những người thân yêu của chúng dạy chúng một bài luân-lý thực hành khác hẳn.

Thật là một sự mâu thuẫn !

Hai chữ « mày, tao » quả là bất nhã trong hàng trí thức.

Trong kinh Thánh của đạo đang bành-trướng ở đây, khi dịch

Thống Chế Pétain đã nói :

« Luật thứ nhất của lòng yêu nước là giữ gìn mỗi thống nhất cho quốc gia. Nếu ai cũng đòi theo ý riêng về nghĩa-vụ yêu nước, thì chẳng làm gì có quê hương, có quốc gia, chỉ còn có những đảng phái làm mỗi cho sự tranh hùng ích kỷ. Lòng người đã li tán, tự nhiên chỉ gây ra nội loạn, xã-tắc phân chia, huynh đệ bất hòa ».

lời bề trên phán xử các con chiên, người ta cũng đã không dùng đến hai chữ « mày, tao » nữa.

Đọc sử, chúng ta ai không biết bà Marie Antoinette, một nữ chiến sĩ của Pháp quốc trong thời xưa. Khi bị đem hành hình, lúc bước lên đoạn đầu đài, bà vô ý vấp phải chân người sẽ chặt đầu bà, bà liền thốt ra một câu đáng kính :

— « Xin lỗi ông đao phủ » (Pardon, Monsieur le bourreau).

Một câu đó nói ra trong giây phút nghiêm-trọng cuối cùng của

đời bà, đáng được mọi người mến phục cái giáo-dục gia-đình hoàn toàn mà bà đã hấp thụ trong những ngày niên thiếu.

Trong ngôn ngữ Pháp có câu : « Anh chơi với ai, hãy nói tôi hay, tôi sẽ bảo anh là hạng người nào » (Dis-moi, qui tu hautes, je te dirai qui tu es).

Nên mỗi khi chúng ta xưng hô « mày, tao » bất cứ với ai, theo câu trên, chúng ta cũng có thể đánh giá cái giá-trị luân-lý của người ấy.

Chúng tôi đề-nghị : từ nay trong hàng tri-thức, hai tiếng « mày, tao » nên bỏ hẳn cả trong khi viết thư cũng như trong khi nói chuyện.

Trong tình bè-bạn, chúng ta có thể gọi nhau bằng « anh, chị » hay « bác ».

Hơn nữa, nếu muốn tỏ tình thân mật, chúng ta gọi thẳng tên người bạn hãy tự xưng tên mình với người mình nói chuyện. Nghe nó tao-nhĩa và lễ-độ biết bao.

Chúng ta hãy bỏ những ngôn ngữ cử chỉ thô-tục, suồng-sã có thể là những tấm gương phản-chiếu tâm-hồn chúng ta cho mọi người hay.

PHẠM-MẠNH-PHAN

ĐỀ VƯỢT NHỮNG NỠI KHỔ-KHẮN,
ĐỀ CHỨNG NHỮNG SỰ NỖ LỰC,
ĐỀ GÓP CHÚT TÀI-LIỆU VÀO KHO VĂN-HÓA,
ĐỀ TỎ TÌNH CẢM ƠN CÁC BẠN ĐỌC YÊU MẾN TRI-TÂN.

Số Xuân TRI-TÂN 1943 (QUÍ MÙI)

Sẽ cổ làm vừa ý các bạn từ hình-thức đến tinh-thần,
Sẽ là một món quà không thể thiếu được trong các gia-đình thanh-tao phong-nhã,
Sẽ là một ích-hữu của mỗi cá-nhân trong tiết tảo-xuân vui, hòa, đầm ấm...

VỎ KỊCH BÀ TRƯNG

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

LẤY lịch-sử nước nhà đem ra diễn kịch là một việc rất đích đáng, nên làm. Trước là để nhắc lại những trường oanh-oanh liệt-liệt của các bậc anh-hùng vĩ-dại đời xưa, sau là để cho những người xem kịch nhớ đến công-đức của các bậc tiền-bối, đã hi-sinh bao nhiêu tâm-can trí-não mới gây dựng được non sông gấm vóc như bây giờ.

Tối chủ-nhật vừa rồi, là ngày 13 tháng chạp Tây, ở rạp Tố-như Hà-thành, « ban hát thanh-niên » có diễn một vở kịch đề là *Trung-vương khởi nghĩa*. Trong tờ quảng-cáo nói là của cô Kim-Chung soạn vở, ông Sỹ-Tiến dàn cảnh; và trích một đoạn trong *Nam-sử diễn-ca* (1) và chưa một câu rằng: « Sử chép hai Bà chống nhau với Mã-Viện ở Lãng-bạc: theo chỗ khảo-cứu của các giáo-sư Trường Bác-cổ Viễn-dòng thì Lãng-bạc là vùng đồi ở Tiên-du, Bắc-ninh, bây giờ, chứ không phải ở vùng Tây-hồ. » Gừ đản-cử một câu ấy cũng đủ biết rằng người soạn vở này đã chịu khó sưu-tầm, tốn công kê-cứu lắm mới được.

Thực thế: vở kịch soạn ra rất hợp với những điều đã chép trong sử, khiến cho ai nấy cũng hồi-hộp trong lòng, bàng-hoàng phảng-phất như sinh vào thời bấy giờ, được mắt thấy tai nghe, nhân nhớ đến bài thơ của cụ nghệ Tự-tháp đề đến hai Bà rằng:

*Trăm-thoa nhất chịch, sự cung đao!
Quốc xỉ, gia thù, thế bất phao.
Kỳ-khí thiên thu nan tử muội.
Nghĩa-thanh chung cồ xướng anh-hùng.
Hồng-bàng thống-kỷ ê thùi trước,
Đồng-trụ huân-danh giác thực cao?
Thế-cực kỷ hồi hồn thị mộng,
Hùng-phong do phất Hát-giang đào.*

Bài này chép trong tập *Thăng-long hoạt-cổ* của cụ tiến-sĩ Võ-Phan, người làng Tự-tháp, huyện Thọ-xương soạn ra, cụ tiến-sĩ Nguyễn-văn-Lý, người làng Đông-tác, diễm duyệt. Nay xin tạm dịch như sau: « Ném vút trăm thoa, theo việc cung đao, Xỉ nước, thù nhà, thế chẳng bỏ quên. Có chí-khí lạ thường, nghìn thu khó được hai chị em như Bà.

Khởi lên tiếng nghĩa, hai Bà làm nêu, xướng trước cho những kẻ anh-hùng sau này. Dòng-dõi họ Hồng-bàng, nếu không có Bà, thì nhờ vào ai? Công-danh của Mã-Viện với cột đồng, đã chắc dàng nào cao? Cuộc đời mấy lúc, y như mộng. Ngọn gió dữ còn nổi sóng ở trên sông Hát-giang. »

Muốn sinh-hoạt, muốn trường-cửu, một dân một nước phải biết thờ những bậc anh-hùng đời xưa. Sách nhỏ đã có câu: « Hữu công ư dân, tắc tự chi, » nghĩa là có công với dân, thì dân thờ cúng. Nhưng đã thờ cúng, sao lại đem ra diễn kịch? Sách lại có câu: « Nhạc, dĩ tượng công, » nghĩa là đặt ra nhạc để hình-tượng công-nghiệp: chiếu hợp với ý nghĩa vở *Trung-vương khởi nghĩa*.

Nghề kịch của ta, xem ra đã tiến bộ lắm. Vẫn hay người ngoại-quốc thường chê rằng con nheo chơ khuyết-diêm, như nhưng lời đòi-uap hơi dài, điệu-bộ các vai trò thiếu vẻ hoạt-động, canh-trí thiếu mùi lịch-sử, v.v. Nhưng tôi thiết-tưởng không nên trách vội, vì dân ta còn nghèo. Một vở kịch như vở *Trung-vương*, soạn được như thế và diễn được như thế, rất là đáng khen: cộng chúng đến xem đông nghìn-nghịt, cũng đủ biết là hoan-ngheh lắm.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

(1) Đoạn *Nam sử diễn-ca* có câu: « Hồ Tây đưa sức vẫy-vùng, Nữ-nhi chống với anh hùng được nao? » xét ra hơi vụng, không nên chép cho học trò học thuộc lòng. Vì câu trên, tuy đã tả cảnh hai Bà đánh nhau với Mã-Viện, nhưng trong truyện có một người đàn ông và hai người đàn bà, mà viết chữ « đưa sức vẫy vùng » thì thật là bất nhã, mà ta là người Đại-Nam, lại đem mấy chữ ấy nói hai Bà, thì thật là khiêm-trang. Con câu dưới đem chữ « nữ-nhi » nói hai Bà, chữ « anh hùng » chỉ Mã-Viện, cũng lại không lịch sự nữa: ta đối với hai Bà thì phải dùng chữ « anh thư », « nữ hào kiệt », « nữ anh hùng » mới phải.

CẢI CHÍNH

T. T. số 75 trang 8: Nhà in Quang-Hoa xuất-bản xin đọc là nhà xuất-bản Nguyễn-Du xuất-bản,

TRA NGHĨA CHỮ' NHO

SỐ 25

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

XIV. — CHỮ PH (bài nối)

Quyển *Từ-nguyên* cắt nghĩa chữ *phần* là loài cây du trắng. *Hán-thư* có câu: « Cao-tổ đảo phong phần-du xã », nghĩa là vua Cao-tổ tế ở làng Phong là nơi phần du, tức là làng vua Cao-tổ nhà Hán: « vì Cao-tổ chi lý-xã giả ». Nay gọi chỗ quê-hương là phần-du. Chữ *tử* cũng là tên cây, dùng để chỉ nơi mình sinh ra. *Tử-lý* là quê-hương: « hương-lý giả », Kinh Thi có câu: « Duy tang dữ tử, tất cung kính chi », nghĩa là duy cây tang và cây tử, phải nên cung-kính: vì cây của cha mẹ giống thì phải cung kính, người sau nhân đó gọi chữ tang-tử là quê-hương, Chữ *phần-tử* cũng nghĩa ấy, nhưng không thấy chép trong *Từ-nguyên*. Trong *Kiều*, có câu: « Đoái thương muôn dặm tử-phần. Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa ».

Phỉ là nói xấu, « phi nghị giả ». Sách *Sử-ký* có câu: « Phỉ-báng giả tộc », nghĩa là người gièm chê bị tội cả họ. *Báng* cũng là chê cười, nói xấu, « hỷ giả, ác, giả ». *Từ-nguyên* chưa rằng: vạch những điều xấu của người ta gọi là báng, « xich nhân chi ác viết báng ».

Ở trang 203 quyển *Từ nguyên* từ điển của ông Lê văn Hoè, dưới chữ *phiền-phức*, nên chưa rằng; chữ *phiền* thường viết chữ hoả bằng chữ hiệt, nghĩa là bận rộn, cũng có nghĩa là nhiều, như chữ *phiền* mất trên *mịch* dưới. Chữ *phức* thường viết chữ y bằng chữ phục, nghĩa là nhiều việc, « sự vật

chi trùng điệp ». Ông Lê văn Hoè viết chữ *phức* xa bằng nửa chữ *phức* chữ ấy đọc là *phức*, chứ không đọc là *phức*, và nghĩa là tay hoa xe.

Phiệt-duyet là chép công-trạng vào một cái bảng đề treo ở cửa: ở cửa bên tả gọi là *phiệt*, ở cửa bên hữu gọi là *duyet*. Đời sau nhân gọi những nhà cự-thất là *phiệt-duyet*,

Từ-nguyên chép đời Hán đặt chức quan phụ-mã đô-úy, đề coi ngựa xe phụ, ngựa đóng vào xe đi theo đấng thiên-tử (phó-xa). Đời Ngụy, đời Tấn về sau, hễ ai lấy công-chúa, thì được chức phụ-mã đô-úy. Người đời nhân thế gọi con rể vua là *phò-mã*. Quyển *Lê-triều quan-chế*, sách của Bác-cổ số A 51 quyển 1, tờ 11 b, có chép phụ-mã đô-úy ở nước ta coi ngang tước bá, chánh nhất phẩm.

Theo quyển *Từ-nguyên*, đấng vương-giả lấy tước và đất cho người ta, gọi là *phong-kiến*. Đời Tam đại (Hạ, Thương, Chu) đều có, đến đời Chu (122-255 trước kỷ-nguyên) thì phép đã đủ: tước thì có năm bậc: công, hầu, bá, tử, nam; đất thì có 100 dặm cho công, hầu, 70 dặm cho tước bá, 50 dặm cho tử, nam. Đến đời Xuân-thu và Chiến-quốc, nước mạnh lấn nước yếu, bèn nhiều cướp của bên ít, thôn-linh lẫn nhau, đấng thiên-tử không thể kiểm-chế nổi. Đến đời Tần (221-209 trước kỷ-nguyên) cướp được cả sáu nước, bèn bỏ phép ấy. Ở Âu-châu, từ thế-kỷ thứ chín đến hết đời trung-cổ, cũng có chế-độ phong-kiến, chữ Pháp gọi là *féodalité*.

Về chữ *phu-nhân*, bộ *Từ-Nguyên* cắt năm nghĩa như sau: 1, vợ vua chư-hầu gọi là *phu-nhan*. Kinh Lễ có chép: « Thiên-tử chi phi viết hậu, chư-hầu viết *phu-nhan* », nghĩa là vợ đấng thiên-tử gọi là hậu, vợ vua chư hầu gọi là *phu-nhan*. Trịnh-Huyền cắt nghĩa: *phu* là *phù* (giúp), « phù thành nhân-quân chi đức », giúp nên đức chính vi nhân-quân. — 2, thiếp của đấng thiên-tử cũng gọi là *phu-nhan*. Kinh Lễ có chép: « Thiên-tử hữu hậu, hữu *phu-nhan* », đấng thiên-tử có hậu, có *phu-nhan*, — 3, *phu-nhan* là tên phong của đàn-bà, « *phu-nhan* phong hiệu », *Hán-thư* chép: « Vợ các tước hầu gọi là *phu-nhan*; tước hầu chết, con lại làm tước hầu, thì gọi là *thái-phu-nhan* ». Xét đời Hán, vợ tước hầu và mẹ tước hầu mà gọi là *phu-nhan* và *thái-phu-nhan*, là noi theo phép đời Tam-đại. Từ đời Hán về sau, các quan to (hiền quan) nhiều người được phong tước, thì vợ theo tước chồng gọi là *phu-nhan*. Đời Đường, mẹ hoặc vợ các quan nhất phẩm về văn, võ và chức quốc-công, thì gọi là *quốc-phu-nhan*; mẹ hoặc vợ từ tam phẩm trở lên gọi là *quận phu-nhan*. Trong niên-hiệu Chính-hòa (1111-1115) đời Tống, đời lệ phong, chức quan cầm quyền chính trở lên phong *phu-nhan*, « chấp chính dĩ thượng phong *phu-nhan* ». Đời Minh, đời Thanh noi theo: nhất, nhị phẩm đều phong tặng *phu-nhan*. — 4, *phu-nhan* là tên gọi vợ cả, « chính-thê chi xưng », — 5, tiếng lớn xưng người đàn bà, « *phu-nhan* chi tôn xưng ».

Ở nước ta, quan-chế đời Hồng-đức (1470-1497), có sáu bậc được gọi là *phu-nhan*: 1, quốc-thái *phu*

(xem tiếp trang 11)

TRIẾT-NHÂN ĐÔNG-PHƯƠNG : MẶC-TỬ

Muốn khảo-cứ tư-tưởng học-thuyết của Mặc-Địch, phải căn cứ vào đâu ?

HOA-BÀNG

Muốn rõ tư-tưởng học-thuyết của Mặc-Địch, phải khảo ở bộ *Mặc-tử*, cũng như muốn biết tư-tưởng học-thuyết của Khổng, Mạnh, phải tìm ở *Luận-ngữ* và *Mạnh-tử*.

Bộ *Mặc-tử* có bao nhiêu thiên, bao nhiêu quyển ?

Theo *Hán thư nghệ-văn chí* thì có 71 thiên.

Tây thư kinh-tịch chí nói có 15 quyển và một quyển mục-lục.

Ý-lâm của Mã-Tông nói có 16 quyển.

Còn từ *Đường thư kinh-tịch chí*, *Tân Đường thư nghệ-văn chí*, *Tống sử nghệ-văn chí*, *Trịnh Tiều Thông-chi nghệ văn lược* đến *Mã Đoan Lâm Văn hiến thông khảo*, *kinh-tịch chí* và *Vương Ứng-Lân Ngọc hải thư mục v. v.* đều chép *Mặc-tử* có 15 quyển.

Đến nay, số quyển thì còn như *Tây thư kinh-tịch chí* đã chép, số thiên thì chỉ có 53, vì đã thất-lạc mất 18 thiên rồi. Mà tựu trung có 3 thiên lại là giả-mạo, quyết không phải là lời nói của Mặc-gia. Thế là chỉ còn vẹn- vẹn có 50 thiên thôi.

Ba thiên giả-mạo ấy là *Thán-sĩ*, *Tu-thán* và *Sở-nhiễm*.

Trong việc khảo-cứ *Mặc-tử* ngày nay, chúng ta cần phải thận trọng trong phép thẩm định sử-liệu. Nếu ta không biết phê-phán lựa-chọn tài-liệu thì đối-tượng nghiên-cứ sẽ sai-lạc hết. Một họa-sĩ muốn vẽ chân dung cô chi, không thể mượn cô em làm người mẫu. Một thợ nề

xây nhà không thể dùng viên bột làm gạch xây.

Ngót một trăm năm nay, về mặt sử học, Âu-tây sở dĩ tấn tới một cách mau-chóng, một cơ lớn là vì người ta biết cần-thận chặt-chẽ trong phương-pháp thẩm-định sử-liệu. Một khi đã phê-phán sử-liệu, biết rõ cái thật, cái giả, rồi lựa lấy cái thật, gạt bỏ cái giả, bầy giờ mới bắt tay biên tập, họa may mới khỏi làm vàng vôi thau, lấm ngọc trai với mặt cá.

Về phương-pháp thẩm-định sử-liệu, Ho-fuicu-ua tỏ rõ trong *Trung quốc triết học sử đại cương* quyển trên (1), trang 19 — 32. Đại ý nói:

Muốn thẩm-định sử-liệu là thật hay giả, cần phải có chứng-cứ. Chứng cứ ấy đại khái chia làm nam thứ:

1.) *Sử-sự* — Sử-sự trong sách có ăn hợp với niên-đại của người làm sách hay không. Nếu không ăn hợp với nhau, thì tức có thể chứng rằng sách kia hoặc một thiên kia là giả-mạo.

2.) *Văn-tự* — Mỗi thời-đại có riêng văn-tự của một thời-đại, không đến nỗi dùng lẫn lung-tung cả đâu. Những người làm sách giả-mạo phần nhiều không hiểu lẽ ấy (hoặc không để ý nhận kỹ), nên thường thường thò ra dấu vết làm giả-mạo.

3.) *Văn-thề* — Chẳng những văn-tự có thể làm chứng, mà cả lối văn cũng có thể làm chứng nữa. Vì mỗi thời-đại có riêng lối văn

của một thời-đại, mỗi cá-nhân có riêng lối văn của một cá-nhân.

4.) *Tư-tưởng* — Phàm những người làm sách lập thành cái thuyết một nhà, thì tư-tưởng học-thuyết của họ vẫn có một hệ thống có thể dò tìm được, quyết không đến nỗi có những chỗ mâu-thuẫn xung-đột nhau quá. Cho nên xem một bộ sách, thấy học thuyết trong ấy có liên-lạc quán-thông hay không thì cũng có thể phán đoán rằng sách ấy là thật hay giả. Sự tiến-hóa của tư-tưởng thường có thứ-tự nhất định. Mỗi thời-đại có từng vấn-đề của một thời-đại, thì thời-đại nào tức có tư-tưởng của thời-đại ấy, nên có thể khảo chứng sách cổ bằng cách xét ở tư-tưởng được.

5.) *Bàng-chứng* — Ngoài Lối cái nội chứng — sử-sự, văn-thề, và tư-tưởng — nói trên đều là những chứng-cứ kiếm ra từ trong bản thư, lại còn một chứng-cứ nữa là do sách khác mà tìm ra: đó là *bàng-chứng*.

Sự trọng yếu của bàng-chứng có khi lại ngang với nội-chứng. Xem như nhiều nhà triết-học-sử tây-phương khảo định về trước-tác của Platon: phàm là sách mà trong sách của Aristote, đề-từ Platon, đã xưng dẫn ra, họ đều nhận chân là sách của Platon cả.

Dựa vào phương-pháp ấy, ta có thể ứng dụng trong việc phê-phán và lựa chọn tài-liệu, khi khảo về tư-tưởng học-thuyết của Mặc-Địch.

Trong sách *Mặc-tử* do Tất-Nguyên đời Thanh chú - giải có chua rõ ở dưới thiên *Sở-nhiệm* đề tam rằng: « *Lã-thị Xuân thu hữu Đương-nhiệm* (2) thiên, văn lược đồng », nghĩa là sách *Xuân-thu* của họ Lã có thiên *Đương-nhiệm*, lời văn cũng ná ná giống thiên *Sở-nhiệm* này (*Tĩnh-hiệu Mặc-tử*, quyển I, tờ 1 b; Thượng-hải Quảng-ích thư-cục ấn hành). Thế là Tất-Nguyên đã hé một tia sáng cho đời sau biết sách cổ của Tàu có sự xô-bò trộn lộn, râu ông, cầm bà, rất dễ làm cho người học lầm lẫn như thế.

Rồi Hồ-Thích nói ở *Trung-quốc triết-học sử đại cương*, quyển trên, trang 151: Ba thiên *Thần-sĩ*, *Tu-thân* và *Sở-nhiệm* tuyệt không có giọng nói của nhà Mặc một chút xíu nào, đều là những thiên giả mạo của người sau (3).

Rồi Lương Khải Siêu nói trong cuốn *Mặc tử học án*, (4) trang 13: Ba thiên ấy (*Thần-sĩ*, *Tu-thân*, *Sở-nhiệm*) tuyên là giả-mạo, chứ không phải là lời của nhà Mặc. Đừng nên đọc.

Vậy ta nay, sau khi thăm-tra lại ba thiên *Thần-sĩ*, *Tu-thân* và *Sở-nhiệm*, thấy quả đúng như những lời mấy nhà học giả trên đây đã nêu trước cho ta rồi, ta cần phải coi chúng là những thiên giả mạo của người sau, không ăn nhập gì với tư-tưởng học-thuyết Mặc-Địch thì quyết không thể dùng chúng làm đối-tượng nghiên cứu được. Không nên nông nổi thấy thiên *Thần-sĩ* và thiên *Tu-thân* không có ba chữ « *tử Mặc-tử* » mà cho là chính do Mặc-Địch làm ra, còn thiên *Sở-nhiệm* có ba chữ ấy (*tử Mặc-tử*) thì cho là do môn-nhân Mặc-Địch ghi chép những lời được nghe từ thầy đã dạy.

« Trừ bị » mất ba thiên (*Thần-sĩ*, *Tu-thân*, *Sở-nhiệm*) rồi, còn 50

thiên, ta có thể dùng làm tài-liệu đề nghiên cứu về tư-tưởng học-thuyết của Mặc-Địch.

Nay dựa theo Lương Khải Siêu, thử chia loại và giải-thích sơ qua 50 thiên ấy:

a) Từ *Pháp-nghi* đến *Tam-biến* gồm 4 thiên (5) là nhà Mặc ghi-chép những điều cốt-yếu về Mặc-học, do đó có thể biết được cương lĩnh của đạo Mặc.

b) Từ *Thượng-hiền-thượng* đến *Phi-mệnh-hạ* gồm 23 thiên (6) là cương to mục lớn của Mặc-học, là cái « lõi » của sách *Mặc-tử*. Trong những thiên này đều có mấy chữ « *tử Mặc-tử* », có thể chứng tỏ là do đệ tử của Mặc ghi-chép, chứ không phải chính Mặc-tử tự chép. Mỗi thiên lại chia làm thượng, trung, hạ: văn nghĩa đại đồng tiêu di. Đó vì nhà Mặc chia làm ba phái, mỗi phái ghi riêng những điều mình đã nghe được.

c) Thiên *Phi-nho-hạ* (7) không có mấy chữ « *tử Mặc-tử* viết », không phải là ghi lời của Mặc-tử.

d) Từ thiên *Kinh-thượng* đến thiên *Tiêu-thủ* gồm 6 thiên (8), quá nửa là giảng về luận-lý học. *Kinh-thượng* và *Kinh-hạ* chắc là do Mặc-tử tự chép. *Kinh-thuyết-thượng* và *hạ* chắc là thuật lại những lời từ miệng Mặc-tử nói ra, nhưng tự trung có chỗ hậu học bổ thêm vào. *Đại-thủ* và *Tiêu-thủ* là do hậu học chép ra.

đ) Từ *Canh-trụ* đến *Công-thâu* gồm 5 thiên (9) là chép lời nói và việc làm của Mặc-tử, thể tài rất giống lối sách *Luận-ngữ*.

e) Từ thiên *Bị-thành-môn* đến *Tạp-thủ* gồm 11 thiên (10) là chuyên nói về binh pháp: cách giữ ra sao, cách chống ra sao.

Sau khi đã xét sơ nội dung 50 thiên trong *Mặc-tử* theo loại đã chia đó, ta phải nhận kỹ những thiên nào là trọng yếu, rồi dùng nó làm chìa khóa mà mở cửa đạo Mặc, họa may mới ngộ được chân tướng của Mặc-tử trong muôn một chẳng. Nếu bị mờ ám bởi ảo-cảnh là những thiên giả tạo hoặc những chỗ xuyên tạc của người sau, thì quyết không tránh khỏi cái nạn « khóc đông mỗi » hoặc « ăn bánh vẽ » như lắm người đã lầm. HO A-BÀNG

1) *Thượng-vụ* ấn thư quán in lần thứ 15 hồi tháng hai năm Trung-hoa Dân-quốc thứ 19.

2) Trong bộ *Mặc-tử* thạch-bản của Quảng-ích thư-cục bên Thượng-hải in là « *Phủ-nhiệm-thiên*. »

3) Hồ-Thích chẳng những cho ba thiên *Thần-sĩ*, *Tu-thân* và *Sở-nhiệm* này là giả-mạo, mà lại cho cả bốn thiên *Pháp-nghi*, *Thất-hoạn*, *Từ-quá* và *Tam-biến* là nguyên-tạo, nên Hồ nói rằng bốn thiên này là do những kẻ chỉ căn cứ vào lời bàn luận thừa thừa của nhà Mặc mà làm ra, Song tôi đồng ý với Lương Khải Siêu, chỉ nhận ba thiên trên là giả-mạo.

4) *Triết-nhân-truyền-kỷ* từng thư của Cộng-học xã do Thượng vụ ấn quán in lần thứ năm hồi tháng hai, năm Trung-hoa Dân-quốc 18.

5) *Pháp-nghi*, *Thất-hoạn*, *Từ-quá*, *Tam-biến*.

6) *Thượng-hiền-thượng*, *trung*, *hạ*; *Thượng-đồng-thượng*, *trung*, *hạ*; *Kiểm-ái-thượng*, *trung*, *hạ*; *Phi-cống-thượng*, *trung*, *hạ*; *Tiết-dụng-thượng*, *trung* (thiếu *hạ*); *Tiết-tàng-hạ* (thiếu *thượng* và *trung*); *Thiên-chỉ-thượng*, *trung*, *hạ*; *Mình-gải-hạ* (thiếu *thượng* và *trung*); *Phi-nhạc-thượng* (thiếu *trung* và *hạ*); *Phi-mệnh-thượng*, *trung*, *hạ*.

7) *Thiếu-Phi-nho-thượng*.

8) *Kinh-thượng*, *Kinh-hạ*, *Kinh-thuyết-thượng*, *Kinh-thuyết-hạ*, *Đại-thủ*, *Tiêu-thủ*.

9) *Canh-trụ*, *Quý-nghĩa*, *Công-mạnh*, *Lỗ-vấn*, *Công-thâu*.

10) *Bị-thành-môn*, *Bị-cao-lâm*, *Bị-thể*, *Bị-thủy*, *Bị-đột*, *Bị-huyết*, *Bị-ngạ-phụ*, *Nghinh-địch-từ*, *Kỵ-xi*, *Hệ-lệnh*, *Tạp-thủ*.

Y-HỌC THƯỜNG THỨC

AI PHỔI YẾU MUỐN TẮM NẮNG ?

Của Bác-Sĩ LÊ-VĂN-NGÒN

Trong tất cả bông hoa, chỉ có loài « hoa người » là cần đến mặt trời hơn hết.
De toutes les fleurs, c'est la fleur humaine qui a la plus besoin de soleil.

MICHELET

NẾU muốn cho người phổi yếu càng mau mạnh và người mạnh càng khỏe thêm, không những họ phải thở khí trời trong sạch, tắm khí trời thích-dáng, ăn uống cho đầy đủ... họ còn cần phải tắm nắng.

Tuy vậy, có điều cần-thiết phải nhớ là không phải ai cũng tắm nắng được, tắm cách nào cũng được, tắm chừng nào và bao lâu cũng được. Có nhiều người bị lao « thiệt thọ », hễ mặt trời lên cao thì đem lưng ra mà « phơi » vì họ có nghe rằng nhật quang giết động vi trùng Koch. Sự tắm nắng không dè-dặt ấy sẽ làm cho bệnh tình họ trở nên trầm-trọng.

Họ làm thế bởi họ không biết rằng mấy người mà trong phổi bị vết chưa lành, mắc bệnh lao gần

phát ra hay đã phát rồi, đau bệnh sưng màng phổi (Pleurésie) thì không nên tắm nắng. Tốt hơn phải hỏi lương-y trước, vì nếu phổi có vết chưa lành mà tắm nắng thì bệnh sẽ thêm.

Nếu người phổi yếu tắm nắng mà thấy nhiệt-độ lên chút ít (*température subfébrile*), thấy ốm, ăn mất ngon, mệt-mỏi thì phải ngừng lại.

CÁCH TẮM NẮNG. — Trong nhà hay ngoài đồng, ở đâu tắm cũng được, miễn là có nắng giời đến. Cho nắng giời ngay trên da không có chi ngại lại (nghĩa là hoặc lỏa thể hoặc chỉ mặc quần cụt).

Người tắm phải nằm, đầu nên che lại bằng nón, dù hay vật chi khác, mắt mang kính đen. Nếu trời nắng gắt thì dùng khăn có nhúng nước lạnh trên trán và trên trái tim.

Phải lựa giờ, đừng chờ đến lúc nắng gắt lắm, vì đây ta chỉ lợi dụng ánh sáng mặt trời, không cần đến sự nóng làm cho tới mồ hôi, miễn sao cho chỗ ta phơi nắng có hơi ấm, dễ chịu là đủ.

Mỗi 5 phút hay 10 phút, người tắm phải trở mình đừng để cho nắng giọi một chỗ hoài. Làm như thế cho mỗi phía đều có nắng ăn.

Không nên tắm gần bữa ăn (nửa giờ trước và hai giờ sau bữa ăn chánh) cho bộ máy tiêu-hóa khỏi bị hại. Không nên tắm lúc đương có kinh-nguyệt.

Mỗi ngày tắm hai hay là ba lần. Lúc ban sơ không nên tắm hết cả châu-thân; bữa đầu chỉ cho nắng giọi bàn chân mà thôi, rồi dần dần cho giọi cả mình, theo như bảng dưới đây do ông Rollier chỉ-bảo :

NGÀY	thứ 1	thứ 2	ba	tư	năm	sáu	bảy	tám	chín	mười
Ngực vai và cánh tay (bras)					5p	10p	15p	20p	25p	30p
Bụng và bắp tay (avant bras)				5p	10p	15p	20p	25p	30p	35p
Bắp vẽ và bàn tay			5p	10p	15p	20p	25p	30p	35p	40p
Bắp chơn (jambes)		5p	10p	15p	20p	25p	30p	35p	40p	45p
Bàn chơn	5p	10p	15p	20p	25p	30p	35p	40p	45p	50p
p — phút										

(Xem tiếp trang 11)

NAM ĐÀN BÁT CHÂU TỤC THẢO

SỐ 12

XVII

HỌA THƠ QUẾ-DƯƠNG-KIỀU GẶP
GLAI NHÂN CỦA TRIỆU VIÊN NGOẠI
TỔNG CHI VÂN

Nguyên Đường-âm

Giàng-vũ triều phi ấp tế trần,
 Dương-kiều hoa-diệu bất-thăng xuân.
 Kim-yên bạch-mã lai tòng Triệu;
 Ngọc-diên hồng-trang bản tính Tần.
 Đỗ-nữ do lân kính trung phát;
 Thị-nhi kham cảm lộ bàng nhân.
 Đãng chu vi lạc phi ngô sự;
 Tự thân không-khuê mộng-mị tần

Dịch Nam-đàn

Mưa tưới bụi, mưa sao mưa khéo!
 Cảnh Dương-kiều hoa-liễu nhẵn xuân sang
 Kim-yên, ngọc diện, hồng trang,
 Triệu-đô nguyên-khách, Tần-nương vẫn dòng.
 Mây trong kính, gương-ngừng tay đỗ-nữ,
 Khách qua đường, hăm-hở đưa tỳ-nhi.
 Đãng chu nào có vui gì,
 Chút than hồn bướm không-khuê mơ-màng

Chú-thích

Triệu-đô nguyên khách — Nói đất Triệu là đất sản-xuất giai-nhân mà giai-nhân nguyên là khách Triệu.

Tần-nương vốn dòng — Nói họ Tần là họ vốn trứ-danh quý-nữ mà giai-nhân vốn là dòng Tần.

Đỗ-nữ — đàn-bà ghen. Hoàn-Ôn tướng-quân nhà Tấn khi đánh Thục, bắt em gái vua Thục là Lý-thị về, để riêng một nơi. Người vợ Hoàn-Ôn nổi tính ghen, cùng lũ thị-tỳ mười người, cầm gươm vào tận nơi định chém Lý-thị. Khi ấy, Lý-thị đang soi gương sửa tóc, tóc xoã xuống mặt đất, làm tóc xanh-đẹp như vậy. Vợ Hoàn-Ôn đòi giận làm yểu, than rằng: « Ta trông thấy tóc mây, còn lấy làm yểu, nữa là lão Hoàn-nò kia vậy!

Tỳ-nhi — Đưa hầu gái. Tả cái sắc đưa thị tỳ, đề tỏ ra cái sắc người chủ-nữ.

Hồn bướm — Cũng như giấc mộng, nghĩa xem ở Tục-thảo bài số 8. Đãng chu — Đãng là lay-động; chơi thuyền mà khiến mỹ-nhân vừa cầm chèo bơi thuyền vừa hát để làm vui, gọi là dâng chu; vốn là sự hoang-du vô-ích, cớ-nhân thường lấy làm ran. Kề ra ngụ-ý ran mình và ran bạn.

Phụ bản phép họa thơ

Họa là đáp họa lời nguyên-vướng. Phàm thơ họa của Đường-nhân phần nhiều là dùng ý mà đáp lại; nghĩa là họa ý chứ không họa vần, khác với thời thường của người đời sau, thi nhau dùng hiềm-vận, đề-làm trò khôn-quẫn nhau (tức là lối bộ-vận.) Thục là tiêu-số văn-tự, không đủ xem vậy. Thi gia nên xem gương Đường-nhân.

XXIII

NGHE LÂN-GIA GÂY ĐÀN TRANH

TỪ-AN TRINH

Nguyên Đường-âm

Bắc đầu hoành thiên, dạ dục lan,
 Sầu nhân y nguyệt, từ vi đoan!
 Hốt văn họa các Tần tranh dật;
 Tri thị lân-gia Triệu nữ đàn.
 Khúc thành, hư ức thanh nga liêm;
 Điệu cấp, giao lân ngọc chỉ hàn.
 Ngân-thước trùng quan thỉnh vị tịch,
 Bất như miền khứ mộng trung khan.

Dịch Nam-đàn

Sao bắc đầu ngang trời, đêm những ngóng,
 Ta với trăng, trăng với bóng, từ buồn lênh!
 Tiếng đâu như tiếng Tần tranh,
 Giá đành họa-các, người đành lân-gia.
 Khúc trọn, tưởng nét nga vừa liêm;
 Điệu mau, thương ngón ngọc còn tê.
 Then vàng-nghe khóa phòng khuê,
 Thiu-thiu sẽ đợi giấc hòe thấy tiên.

Chú-thích

Tần-tranh — Đàn tranh gảy lên khúc-diệu nước Tần. Tranh là tên một thứ đàn trong âm-nhạc.

Họa-các — Gác trạm vẽ, nói lối nhà sang.

Lân-gia — Nhà lân-lý, tục gọi láng giềng.

Giấc-hòe — Tức là giấc mộng. Nhạc-phủ: « Bấy lâu nay những ước-ao; giấc hòe mộng-tưởng chiêm-bao mơ-màng ».

Bài trên, thơ giai-nhân của Tống-chi-Vân. là tả về diễm-sắc. Bài này, thơ Lân-gia của TỪ-AN-TRINH, là tả về cầm-thanh. Hai thơ tuy rằng phát hồ tình, song cũng biết đường chỉ hồ lễ-nghĩa, cho nên cũng dịch đang vào tập.

(Sẽ tiếp)

Hà-đông NGUYỄN ĐÓN PHỤC

XEM DIỄN KỊCH

« ĐỒNG BỆNH » và « VÂN-MUỘI »

CÁY THÔNG viết

Đêm thứ bảy 12-12-42, ban kịch « HANOI » đã tổ chức tại nhà hát Tây Hanoi một buổi kịch giúp quỹ cứu-tế quốc-gia.

ĐỒNG-BỆNH (1), (hài-kịch của Khai Hưng). — Vì cần cầu thập và cầu lợi, ông Thông Đán danh phải vờ-vặt, ta đây, cũng có chứng bệnh « thần-kinh », đồng-bệnh với ông Nghị Vấn. Khốn noi, mưu ấy bị bại lộ, và việc không thành. Thế mới rầy: con giai ông không lấy được con ông Nghị Vấn; mỗ thian của ông bị tịch biên đến nơi... Ông lập mẹo khác; nhưng mẹo mới chưa kịp thi-hành thì mọi việc đã lại được êm-đẹp xong xuôi. Ông tức kfi quá, và tự-nhiên ông đâm ra mắc bệnh « thần-kinh » thật!

Kịch được dàn-xếp xảy ra trong ba màn tuyên là cảnh nhà ông Thông Đán cả. Song, không vì thế mà tẻ ngắt kém hoạt-động. Thời kỳ nọ qua thời-kỳ kia, lớp này qua lớp khác, thầy đều được ghi tả bằng những biến, hiện có lý của các vai kịch.

Người ta đã nhận thấy sự vờ-vặt khéo-léo trong lúc ông Thông Đán, bệnh-nhân bất-đắc-dĩ, chỉ chọn những chén sành rẻ tiền để đập; trong lúc ông cần-thận cất trong đáy tủ mây cái chổi sể men tàu và ông đã không quên đề-phòng đóng chặt cửa vào.

Đề tả những vào-hùa, chiều-chuộng, bưng bít, giấu-giếm, bà

Thông Đán đã sẵn lòng rước về đủ ấm chén, đủ cả hai chiếc lọ độc bình hạng xấu và bà đã khôn ngoan than-thở với người nhà nhà ông Nghị Vấn.

Ông Nghị Vấn đã biết tỏ tình thân-thiện lưu-luyến với người đồng bệnh bằng cách ân-cần hầu-hạ thuốc-thang và đưa, giắt, đặt bệnh-nhân yên nghỉ tĩnh-duỡng ở một góc phòng.

Một vẻ mặt bơ phờ, một cái bụng rơi mủ ở tay mà không biết, đã khiến cho ta hiểu rằng ông Thông Đán cụt hứng, thất-vọng đến cực-điểm, lúc được biết ông Nghị Vấn không bằng lòng kết thông-giao với mình...

Vai Thông-Đán do ông Đình-Phụng thủ bản đã luôn luôn làm cho khán-giả thích trí cười rộ. Cứ nom cái bộ mặt hoặc cau-cau có-có, hoặc hớn-hớn hờ-hờ, cứ nghe cái giọng từ nhắm nhắm nhát gừng sang nhỏ-nhỏ ỉn-thào, cũng đủ thấy bệnh ông thăng giáng bất thần, lên cơn đấy rồi lại đột-nhiên bình phục đấy, theo ý muốn.

Nhưng nhiều lúc khán-giả cũng phải sốt ruột, khó chịu vì thấy bệnh-nhân chỉ lên cơn ở có một chỗ vền-vền trước cái sập, và chỉ ra công đập vỡ ấm chén như pháo đèn. Người ta phải phân-vấn tự hỏi: « Bệnh thần-kinh riêng ghét cay ghét độc những đồ sành vậy ư? » Sao nhà dàn kịch không để cho vai Thông Đán « bức-bối » rộng thêm ra chút nữa, cả phạm-

vi của sân-khấu? và lúc đã thật mắc bệnh rồi, vì lẽ gì ông Thông Đán không gặt lặt cả những vật-dụng khác, như ống nhổ, cháp trầu, bày ngay ở mép sập, gần và tiện tay hơn là đồ sành lồng chổng tận xa? Khán-giả sẽ hiểu nhằm tưởng bệnh nhân vẫn còn ốm yếu, nếu vô-tình không đề ý nhận thấy ông ta xô-dẩy bà vợ, không chút nề-nang.

Cô Lê-Thanh, trong vở bà Thông Đán, có một lối đóng kịch rất đặc-biệt, đáng chú ý. Cử-chỉ có ý-nghị; giọng nói được tự nhiên. Với những điệu lấy thuốc lão sát vào răng, đưa ngón tay trở và ngón cái để lau quạc bộ vành môi, ngửa cổ lên nói như e ngại cốt trầu ứa rõ, cô đã khéo « quyến-rũ » tâm-trí của khán giả....

VÂN-MUỘI (kịch thơ của Vũ-Hoàng-Chương). — Sân khấu là cả một bức tranh hoạt-động đủ màu, ánh, bóng đầy thi-vị.

Vân-Muội (Tiểu-Vân), trong bộ áo xiêm thời cổ, nền lụa bạch, tà cổ viền đen, là những nét thủy-mạc đơn sơ; mấy vòng khăn lượt quần giữ cái búi tóc to và cao cùng tấm áo dài hồ-thủy của Hoàng-lang — (Vũ Hoàng Chương) — là những nét thướt tha dịu dàng to; còn những quệt bút dầu sơn đậm đậm chính là dam vuông nhiều điều quảng cò của Vương sinh — (Lan-Khai) — hai đầu lơ-đăng tỏa buông trên thân áo màu lam.

Văng sáng cao đèn chiếu mờ hồ khi đậm, khi nhạt, như cang tang thêm vẻ dịu dập chập chờn của Ván-Muội, nàng hiện ra cùng một chiều, cùng một điệu với bức tranh treo; giữa lúc Hoàng-lang, tựa bên bàn đọc, dưới ngọn đèn dầu, đang thẩn-thờ mơ-tưởng nhớ tới vị tiên-thần từ kiếp trước; giữa lúc tiếng gà xa trong xóm đã bắt đầu vắng lép, khoan-hai âu-yếm gọi ngày về...

Có ai quên được lớp thi nhân Hoàng lang kiếm điểm những tư-tưởng di-vật của nàng Vân còn để lại? Khuôn gương tư-mã trên tay vô tình đã thu in bóng dáng ai kia ở bức tranh treo, khiến người thi-sĩ si-tình nọ phải bàng hoàng lão-đảo vội quay gót, mà ôm choàng lấy Vân-Muội, Vân-Muội của Vương-sinh chàng đã ghi-họa trên tờ tranh...

Sau « Thế chiến quốc », « bóng giai-nhân », nay thêm một lần nữa, Ban Kịch Hanoi đã khiến cho ta nhận rõ thấy kịch không thể lẫn với tuồng, trèo được.

Điều mà ban kịch đó hằng mong ước, nay đã thực hiện. Vì, như lời của Ban Kịch Hanoi đã bày tỏ, bằng Pháp-văn và quốc-âm, cùng toàn-thể khán-giả, trước lúc mở màn khai diễn, chưa dám sánh theo những Molière, Corneille, Racine... nhưng trong khi quốc-dân hồ như vẫn gھể lạnh với ngành mỹ-thuật này, cần hãy hết sức bưng-phục lại kịch và truyền-bá đề ai nấy đều hiểu « kịch » theo nghĩa chính của nó...

Bằng vào những vở đã được đem lên sân khấu, ta tin rằng, cứ đi trên con đường chân-chính đã vạch đó, Ban kịch Hanoi có thể vừa nâng cao giá trị của kịch giới

lên, vừa làm giàu thêm cho nền văn-hóa ở xứ này.

CÂY-THÔNG

(1) Về vở kịch này, một số T. T. trước, K. T. Q. đã có bài phê bình rồi, nay C. T. phê bình về buổi diễn kịch ấy.

Muốn tắm nắng ?

(Tiếp theo trang 8)

Từ ngày thứ mười cho tới thứ 15 mỗi ngày tăng thêm 5 phút trên mỗi bộ-phận, Tỷ như về bàn chơn, ngày thứ mười tám 50 phút, ngày thứ 11, 55 phút, ngày thứ 12, 60 phút vân vân... Ngày thứ 15, tắm cả châu thân một lần, khỏi tắm từng bộ-phận vì trong mình đã quen rồi. Mỗi ngày có thể tắm được — kể cả mấy bận tắm chung lại — từ ba giờ đến 6 giờ đồng-hồ. Nhưng nếu một ngày tắm cả thầy được ba giờ — nghĩa là hai lần, mỗi lần một giờ rưỡi — thì là tốt lắm rồi. Tắm hơn ba giờ được là khi nào người còn trẻ, chịu nổi, và da mau bị đen.

Người tắm nắng đen chừng nào càng tốt chừng nấy. Đen vì nắng chớ không phải đen là nhờ thuốc thoa lên da cho mau đen như có một lúc, vì muốn theo « một » bên Âu-châu, nhiều người đã làm.

Phải coi chừng, người nào tắm nắng mà da không đen lại đỏ, vì sợ họ chịu không nổi. Người nào da mau đen thì khỏi sợ chi hết. Đó là một điềm tốt.

Nếu người mạnh mà sau khi tắm nắng thấy trong mình mệt, ngủ không được, đầu nặng, ăn không ngon, nhiệt độ lên thì chỉ nghĩa là tắm lúc trời nóng quá. Phải tắm khi trời mát hơn là đủ, không sao mà ngại.

Trên đây là cách tắm nắng của người lớn, họ không chạy cùng được. Chớ con nít được thả lỏng, chỉ cần một quần cụt, cả ngày chạy giỡn ngoài nắng, là nó đã tắm nắng cách nó, cũng tốt vậy.

Bác-sĩ LÊ-VĂN NGÔN

Tài-liệu rút trong quyển

« BỊNH HO LAO » đang in

Tra nghĩa chữ nho

(Tiếp theo trang 5)

nhân, 2, quốc phu nhân, 3, quận phu nhân, 4, chính phu nhân, 5, tự phu nhân (dĩ thượng ngũ đẳng) 6, liệt phu-nhân : chánh nhất phẩm (chép theo Lê-triều quan-chế, quyển 2, tờ 10 b). Về triều Nguyễn, vợ các quan có 4 bậc được cáo thụ phu-nhân, là vợ quan chánh nhất phẩm và tòng nhất phẩm, đều được nhất-phẩm phu-nhân, vợ quan chánh nhị phẩm và tòng nhị phẩm đều được cáo thụ phụ-nhân. Từ chánh tam phẩm trở xuống không được gọi là phu nhân (Quốc triều quan chế, tờ 4 b).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Một quyển sách ai ai cũng cần phải có
Ấy là cuốn

Gia lễ giản yếu

Có cả Các bài văn khấn

Khoản thờ biếu gia phả

Lại có in sẵn nhiều trang, người nào có quyền này chỉ việc điền gia phả của nhà mình vào

Cứ nhân

Dương Bá-Trạc soạn



Giá 0\$40 — Cước 0\$10

gửi bằng tem (cò) cũng được cho
hiệu Đông-Tây, 195 Hàng Bông
HANOI

=====

a) Nếu mượn được ở một thứ chữ độc vận như chữ Tàu thì tiện lắm. Chỉ còn việc mang vần quốc-ngữ viết-hóa nó đi, người nhà quê mình đọc được là được. Nhưng người Tàu chưa biết cách đặt chữ chuyên-môn. Người Tàu hiện chỉ có những đoạn thường-ngữ rất lộn-xộn dùng thế vào các chữ chuyên-môn cần phải có thôi. Người Tàu có cách đặt chữ mới đã lâu đời lắm rồi, nhưng họ không nghĩ dùng đến nó là vì họ chưa hiểu thế nào là chữ chuyên-môn. Nên mình không theo người Tàu được.

Tiếng Nhật thì lại là một thứ tiếng dính căn tự (agglutinante), nghĩa là đa-vận, nên đầu người Nhật có chữ chuyên-môn, mình cũng không thể dễ nguyên mà mượn được. Trong bài « Adaptation » tôi đã nói như vậy.

Đã không mượn được ở tiếng Tàu, tiếng Nhật, tất phải mượn ở tiếng Âu, nó là thứ tiếng cội-rễ của khoa-học, tự nhiên đầy đủ chữ chuyên-môn hơn các thứ tiếng khác. Mà nếu mượn ở tiếng Âu thì sao không mượn ngay ở tiếng Pháp, nó là một thứ tiếng ngời mình biết nhiều, dùng nhiều, lợi cho sự học hỏi từ tiếng ta sang tiếng Pháp, từ tiếng Pháp trở về tiếng ta. Vả chăng, tiếng khoa-học chuyên-môn của Pháp phần nhiều là ở tiếng hy-lạp mà ra. Mà tiếng hy-lạp, tiếng phạm (sanskrit) và tiếng cao-mên là cùng một cội-rễ. Sau này ta có thể từ tiếng Pháp sang tiếng hy-lạp, tiếng phạm, tiếng cao-mên là tiếng láng giềng của ta, không sợ từng căn tự cho khoa-học.

Vậy những tiếng cần phải mượn ở tiếng Âu hay là nói cho đúng, mượn ở vạn quốc khoa-học ngữ

thì mình mượn ngay ở tiếng Pháp là rất phải, còn gì nữa.

Nếu mượn ở tiếng Pháp, tiếng Âu, là thứ tiếng đa vận thì trong một chữ mình sẽ chỉ giữ lại một hay hai vần kêu nhất, nghe rõ nhất, dễ nói, dễ nhận, dễ nhớ nhất thôi. Nhưng chỉ giữ lại hai vần là cùng thôi mới được, vì tiếng an-nam ròng chỉ có đến hai vần thôi. Giữ lại một hay hai vần, lấy quốc-ngữ phiên âm ra, người nhà quê mình đọc được là được.

Khi đó theo luật tự-nhiên đảo thái, thì :

Nếu chữ chuyên-môn của người ta chỉ có một vần kêu thôi, sang tiếng mình nó sẽ thành ra chữ độc-vận.

Nếu chữ của người ta có hai vần kêu thôi, sang tiếng mình nó sẽ thành ra tiếng lưỡng-vận.

Nếu chữ của người ta có từ ba vần trở lên, sang tiếng mình nó lại diu lại mà lại thành chữ độc-vận, như tôi đã nói ở đoạn trên.

Đấy, theo luật tự-nhiên, khi một tiếng đa-vận của ngoại quốc sang tiếng mình thì nó chỉ còn lại một hay hai vần thôi, không bao giờ thành một chữ ba vần.

Vậy mình phải theo thế mà viết-hóa tiếng ngoại quốc, trừ ra khi nào những chữ chuyên-môn của người ta đã được vạn-quốc khoa-học hội nhìn nhận làm tiếng khoa-học ngữ để khi viết tắt người nước

nào cũng hiểu được thì không kể.

Những chữ như vậy tỷ dụ như những danh-từ của các nguyên-tố và hợp-tố trong hóa-học và các danh-từ của các « mẫu » dùng trong sự đo-lường về khoa-học (les noms des corps simples et des corps composés de la chimie minérale ainsi que les noms des unités de mesures scientifiques).

Mang những chữ này sang tiếng mình phải giữ lại một hai vần đầu (không tất nhiên là vần kêu nhất) nghĩa là những vần bắt đầu bằng chữ cái dùng để viết tắt. Nói một cách khác, đối với những chữ ấy thì mình phải dựa vào lối viết tắt mà đặt tiếng Việt mới.

Viết-hóa những tiếng của vạn-quốc khoa-học hội như thế là làm trái luật tự-nhiên, nhưng nó lại lợi đường khác là tránh sự ngò-nghữ bất đồng nó sẽ cản-trở sự giao-thông tư-tưởng khoa-học của châu Âu, châu Á, người Pháp, người Việt chớ không phải không có cách nào làm khác được như người ta đã tưởng lầm.

Ài cấm mình đặt ra những lệ riêng (conventions spéciales) để đặt tên cho các hóa-vật vô cơ cùng các mẫu đo-lường về khoa-học ?

Nếu mình thích, mình sẽ gọi soufre là *tàng* viết tắt là *t*; kêu oxygène là *nghiêm*, viết tắt là *ng*.

Bao nhiêu những oxydes của

tàng sẽ có một tên chung là *tiêm*. Muốn biết *tiêm* nào nhiều *nghiêm* hơn, mình sẽ theo thứ-tự các giọng như sau này :

Tiêm, tiêm, tiêm, tiêm, tiêm, tiêm.

Còn thấy nhiều thứ *tiêm* nữa mình sẽ gọi chúng theo thứ tự sau này :

Tiên, tiền, tiển, tiền, tiện, tiền hay tiêng, tiêng, tiêng, tiêng, tiêng, tiêng, v. v...

Hay lấy những chữ đã có thứ-tự sẵn mà đặt tên cho chúng cũng được, tỷ dụ như giáp, ất, binh, ti, sừ, dân...

Hoặc cao, tăng, tồ, phú, thân, tử, tôn, tăng, huyền.

Hay là đặt tên theo lối Nguyễn-triều, là làm ra mấy bài thơ, rồi theo thứ-tự chữ trong thơ mà đặt tên.

Hay là lấy ngay mấy chữ Đinh, Lê, Lý, Trần,... để đặt tên họ cho các oxydes, acides, bases, sels; lấy những chữ trong các bộ kim, thạch, thủy-hỏa, thổ để đặt tên riêng cho các nguyên tố và mang đệm mấy chữ mạnh, trọng, quý; giáp, ất, binh, dinh,... để chỉ thứ-tự.

Không thiếu gì cách. Miễn là đặt tên cho các vật học của một môn sao cho có từng họ, rõ từng ngành, lại trên dưới, con trưởng, con thứ phân-biệt là được.

Làm như thế mình sẽ có lối viết

tắt hay là những cái « công-thức » riêng của mình.

Khi viết về hóa-học vô cơ mà quên cái công việc phải làm đầu tiên là định các lệ để tha hồ đặt tên cho các con cháu nhà hóa-học thì chẳng khác gì như muốn dùng cái đèn chiếu ảnh mà lại quên thấp đèn ấy mà.

« Vòi vòi voi, cái vòi đi trước !
Hai chun trước đi trước !
Hai chun sau đi sau !
Còn cái đuôi đi sau rồi ! »
Con trẻ nó biểu thế mà phải.

Nếu mình thích, mình cứ dùng cái thước ba gang, cái cân lông-lẻo của mình; người Âu cứ dùng cái thước, cái cân khoa học của người Pháp; mình cứ dùng âm-lịch, người Âu cứ dùng dương-lịch, không ai cấm. Đẳng nào đo lường cũng đúng được cả. Chỉ vì không tiện cho sự giao-thông tư tưởng thôi.

Đấy, cái lẽ chánh, tại làm sao mình nên viết-hóa tiếng Pháp, tiếng Âu, hay tiếng vạn quốc khoa-học ngữ là vậy.

Chớ có phải vì « lúc nào tiếng thường không rõ nghĩa, chữ nho cũng khó nghe, mà tiếng Âu-châu diễn âm ra cũng không chuơng tai » thì diễn âm đầu. Mà cũng chẳng phải vì « nhất là đối với những ý mà người Pháp, người Đức, người Anh cũng nói na-ná

giống nhau » thì mình nên diễn âm đầu. Những chữ mà người Pháp, người Đức, người Anh nói và viết na-ná giống nhau nhưng không được vạn-quốc khoa-học hội nhìn nhận nó làm khoa học ngữ để khi viết tắt cho tiện thì cũng bằng bỏ, không đáng kể tới.

Còn những chữ khác của người Pháp, của người Âu những chữ nó không phải là tiếng khoa-học của vạn-quốc, nó không có lý gì mà thành ra tiếng khoa-học của vạn quốc được thì mình đừng nên viết-hóa.

Khi đó viết hóa là vô lý, vì người mình ai chưa học tiếng Pháp, tiếng Âu không thể tìm nguyên mà dễ nhận, dễ nhớ được.

Nói tóm lại : Việt-hóa là thế nào ? và khi nào nên viết-hóa ? Việt hóa là dựa vào tiếng ngoại quốc mà làm ra tiếng Việt, chứ không phải để làm ra một thứ tiếng lai. Mà chỉ khi nào gặp những chữ của vạn quốc khoa-học ngữ thì mới nên viết-hóa thôi.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

Cùng chung trong Đại-Đồng-A, người Annam đều đọc :

“ TÂN Á ”

« TÂN A » số 4 sẽ hé giở cho các bạn trông thấy những gì mà trong thâm tâm các bạn hằng mong mỏi bấy lâu

Thơ và mandal xin đề :

Maison ASAU

72, Rue Chaigneau Saigon

Téléphone N° 21.755

Adr. télég. AULEVANI - Saigon

THỜI-ĐÀM

Kênh-đào Suez và kênh-đào Panama trong cuộc chiến tranh hiện thời

NHẬT-NHAM

KÊNH đào Suez khơi qua eo đất Suez, theo đồ bản do một người Pháp Ferdinand de Lesseps phác-họa và dưới quyền kiểm soát một công-ty quốc-tế.

Sau 10 năm công-tác, mãi tới năm 1869, kênh đào Suez mở cửa cho tàu bè qua lại. Dài 169 cây số qua một miền đất cát và hiu quạnh, kênh đào Suez được xuất hiện là nhờ công dụng của nhiều hồ Baláh Timsáh, Amers trong công cuộc khơi sông. Theo dọc kênh đào, ngay tại miền trung tâm, có thành phố Ismailia.

Rồi theo thời gian, kênh đào ngày được sửa sang, nên trước kia mới rộng 22 thước, nay đã có tới 40 thước bề ngang. Những nơi cho các tàu tạm dừng để trao đổi hàng hóa và hành khách cũng được mở mang nhiều hơn trước. Xưa ban đêm tàu bè không được qua lại trên mặt kênh đào; ngày nay sự giao thông trên Suez ban đêm cũng tiện lợi như ban ngày. Trước qua kênh đào phải mất 52 giờ, nay rút xuống 18 giờ rưỡi. Nhiều xưởng chứa tàu nhiều nơi tích trữ than đều đặt tại Port-Said, một thành phố to có 5 vạn dân lập ngay trên cửa sông Suez thông ra Địa-trung-hải.

Trung bình mỗi năm có 5 nghìn thương thuyền qua lại trên sông. Trong số ấy, các tàu sang Anh hay từ Anh lại, các tàu về Ấn độ hay ở Ấn độ đi, đều chiếm nửa phần.

Ngoài ra, còn các tàu giao thông với các hải khẩu Pháp, Mỹ, Đức, các hải khẩu Viễn Đông (Đông dương, Trung-hoa, Nhật-bản) và các hải khẩu Úc châu.

Sự giao dịch qua Suez được bành trướng là nhờ hai nguyên nhân :

1) Suez liên lạc hai thế giới có sản lực mạnh nhất : một bên là Âu châu và một bên là Ấn độ và Viễn đông. Xưa kia muốn đi từ Londres hay từ Marseille sang Bombay (Ấn độ) hay Thượng hải (Trung hoa), các hải thuyền đều phải vòng quanh miền duyên hải châu Phi. Ngày nay nhờ có kênh đào Suez mà con đường ấy rút ngắn được nửa phần. Tuy các tàu bè phải nộp thuế qua kênh, thế mà non 9 phần mười sự giao dịch giữa Âu-châu và Viễn-dong đều qua con đường này, trừ ra có ít tàu tải than chạy qua mỏm đất Cap miền Nam Phi.

2) Theo đường kênh đào Suez, các tàu bè đều chạy qua những miền phồn thịnh, nhiều sản vật, đông dân cư. Tàu bè đều tạm dừng tại các bến lập trên các vùng ấy để trao đổi hàng phẩm. Một thương thuyền từ Hoa-kỳ sang Tàu qua Thái-bình-dương, phải qua một đại-dương huu quạnh. Một thương thuyền từ Âu-châu sang Trung-hoa theo đường Suez, chạy qua Algérie, Ai cập, các nước trên bờ Hồng-hải, Ấn-độ, Đông-dương, Nam-dương quần-đảo, là những miền có nhiều hành khách lên xuống và có lắm sản vật để trao đổi.

Tuy có nhiều đường giao thông mới mở, như đường sắt qua Tây-Bá lợi-á, mà sự giao dịch theo đường Suez càng ngày càng phát đạt. Lại thêm các đường hỏa xa mới đặt tại Asie Mineure và Iran đem lại rất nhiều hành khách và sản vật miền Trung-Á và Ba-tư, khiến cho địa vị kênh đào Suez ngày thêm quan-trọng.

Kênh đào Panama do một công ty Pháp khởi công ; sau bị thất bại vì vấn đề tài chính, công ty ấy nhường công việc lại cho một công ty Mỹ tiến hành. Đến năm 1914, kênh đào Panama khánh thành.

Kênh đào Panama qua eo đất Panama và chia làm ba đoạn chính : một đoạn trên Đại Tây dương, ngang với mặt biển ; đoạn giữa theo lưu vực sông Chagres, có mấy be nước, mặt nước cao 26 thước tây, tàu bè đi lại phải lên qua ba tầng cống máy ; đoạn thứ ba, trên Thái bình dương, tàu qua hai tầng cống máy mới xuống tới mặt biển.

Kênh Panama có ảnh hưởng đến nền kinh tế :

1) Hoa-kỳ được nhiều lợi. Một phần sự giao dịch giữa Hoa-kỳ phía Thái bình dương và Hoa-kỳ phía Đại-tây-dương đều qua Panama.

Miền bắc Đại-tây-dương có thể tải các sản vật qua kênh Panama sang Úc-châu, Nouvelle Zélande (Tân Tây-lan), không phải vòng

quanh môn Magellan như trước nữa. Xưa, sự giao dịch giữa Nê-ru-ớc với Viễn-Đông một phần do các đường bộ và đường Thái-bình dương một phần do đường Đại-tây-dương và kênh Suez. Ngày nay qua kênh Panama, sang Yokohama lợi được 6500 cây số, tới Thượng-hải giảm được 3000 cây số, và tới Hương-cảng cũng lợi được 3000 cây.

2.) Sự giao dịch Âu châu cũng lợi hơn trước. Nếu lấy tỉnh Liverpool là nơi gần kênh Panama nhất, ta sẽ thấy rõ đường giao thông giữa Liverpool và các hải-khâu Viễn-Đông qua Suez và Panama đáng nào ngắn hơn.

Từ Liverpool đi theo đường Suez Theo đường Panama

Wellington (Tân-Tây-lan)	20.800	18.500
Melbourne (Úc-châu)	19.400	21.900
Hương-cảng (Nam-hoa)	16.200	24.000
Thiên-lân (Bắc-hoa)	18.300	22.400
Yokohama (Nhật bản)	19.300	20.900

Trừ sang xứ Tân Tây lan, đường Suez dài hơn, còn thì đường nào qua Suez cũng đều ngắn cả.

Ta có thể kết luận: các nước Âu-châu dùng đường Suez tiện lợi hơn đường Panama, trái lại, đường Panama rất có ích cho các nước Mỹ-châu.

1/2 phần trăm các tàu qua kênh Panama đều là tàu Hoa-kỳ, Mỹ-tây-cơ, Gia-nã-đại đi lại.

Thời thường hai kênh đào Suez và Panama có ảnh hưởng rất lớn đến sự giao dịch trên mặt địa cầu như thế, nên từ ngày chiến tranh xuất hiện, hai con đường giao thông ấy lại thêm một công dụng

to về mặt quân sự: liên lạc các mặt trận, tiếp-tế lương thực và ehiến cụ được mau chóng, một phần to đều do hai con sông nhân tạo Suez và Panama! Vì Suez và Panama chiếm một địa vị quan trọng trên trường quốc tế, mà giữa hai phe địch, một bên đương hết sức tấn công đề mong làm chủ nhân-ông, còn một bên cũng không kém phần chiến đấu đề giữ nguyên quyền sở hữu.

NHẬT-NHAM

TÙY HỨNG

Ngồi tàu trông ra biển

Tàu chạy sườn non, cây tưởng
Mây trôi mặt biển, ác đương
Chim âu bay lướt ngàn sa
Ngọn nước triều dâng sóng tụt



Đi thuyền về thăm bạn

Rừng xưa vang tiếng chim
Núi cũ theo người mộng bốn
Tâm-sự một thuyền, sóng một
Nước trôi, trôi cả ánh tà

Bà MỘNG-SƠN

ĐỌC SÁCH

KIM VÂN KIỀU
(quyển thứ nhất)

« Đắc Lộ thư xã » mới xuất bản (1) quyển Kim Vân Kiều mỗi câu có đối chiếu bản dịch tiếng Pháp của ông Nguyễn văn Vĩnh và dưới có chú thích, dẫn giải, lại kèm thêm nhiều bức họa đẹp do họa sĩ Mạnh Quỳnh vẽ.

Ái là người đã đọc ông Nguyễn văn Vĩnh qua các văn phẩm của ông dịch trong Đông dương tạp chí, Âu tây tư tưởng cũng phải công nhận cái thiên tài của nhà học giả ấy.

Ngạn ngữ phương Tây có câu: « Dịch là phá nghĩa », nhưng khi dịch mà lột được hết tinh thần thời không gọi là « phản nghĩa » được; những câu văn dịch của ông Nguyễn văn Vĩnh chính là ở trong trường hợp này. Ông Vĩnh lại có một lối dịch riêng, không dễ may ai có: nhưn van gian dị mà rõ ràng, tầm thương và bong bảy, cho nên những bạn của ông dịch thường có một cái đặc sắc.

Nếu về lối dịch, các cụ ta xưa cũng đa dịch thơ tuu, đại khái như trong Kiều, nhiều câu cụ Nguyễn Du đã dịch ở thơ chữ Hán ra.

Câu: « Ba thu giợn lại một ngày dài ghê » là dịch ở câu: « Nhật nguyệt xuất kien như tam thu nê ».

Lại câu: « Duyên Đàng thuận nẻo gio đưa », là dịch câu: « Thời lai phong tòng Đàng vương các » v. v. v.

Cụ Nguyễn Du đa là một nhà dịch thơ cổ hay đến thế thời trong quyển « Kim Vân Kiều » này, ta sẽ nhận thấy cái hay, cái giỏi của ông Nguyễn văn Vĩnh, vì ông Vĩnh đa hiểu được hết ý cụ Nguyễn Du trong van Kiều, xem như câu:

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa

Ngọn đèn khi tỏ khi mờ

Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sâu.

Ông Vĩnh đã khéo dịch:

Des audantes sont comme la brise légère qui passe dehors.

Dans les allegros, les sons se précipitent comme les grains d'une brusque averse.

La flamme qui éclairait les amants semblait changer d'intensité selon l'expression de chaque mouvement de la musicienne.

Plongeant celui qui écoutait dans une rêverie mélancolique (trang 116).

Quyển Kim Vân Kiều dịch này ra đời chính là lúc đang hợp thời, vì ai ai cũng mong được đọc lại những câu văn đã từng nổi tiếng ở Đông dương tạp chí và Âu tây tư tưởng khi trước.

NGUYỆT-HÀNG

1) Do nhà in Mai Lĩnh đang (đang) phát hành.

MỘT KIẾN GIẢI VỀ :

VẦN THƠ' TIẾNG TA

(Tiếp theo)

ĐỖ-THỨC

Về vần bằng, thời *i, ia, uy, uya, uê, e, ê, eo, y, ya* và tất cả những tiếng có nguyên-âm vần đơn hay là ghép ấy, đều thuộc về một vần; ví dụ *kê, che, về* ở những câu này :

*Phong lưu rất mực hồng quần
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
Èm-đềm chương rủ mản che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*
(Kiều)

Về, *thuê, huê* trong những câu :

*Là nhà ngó viết thương gia,
Buồng không đề đó, người xa chưa về.
Lấy điều du học hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách đề huê dọn sang.*
(Kiều)

Kia, gi ở hai câu :

*Tiếng Kiều nghe lọt bên kia,
Ơn lòng quân-lữ xá gì của rì.*
(Kiều)

Hòe, lê, trong hai câu :

*Tiếng sen sẽ động giấc hòe,
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần*
(Kiều)

Nhi, khuê ở những câu :

*Hoa khôi nôi tiếng kiều nhi,
Thiếp hồng tìm đến chương khuê gửi vào.*
(Kiều)

Hè rì trong hai câu :

*Gác thoi ra dừng bên hè,
Đầu thềm tiếng dế rù-rì khóc sương*
(Thu dạ lữ hoài ngâm)

Khuya, bề ở đôi câu :

*Ra vào chầu chực sớm khuya,
Chữ chung chữ hiên đôi bề vẹn hai.*
(Hoàng-trừ)

Cùng một vần : *in, iên, uyên, oen, en, ên, yên* và những tiếng có nguyên-âm vần ghép ấy. Thí-dụ :

*Kiều thơm lần dỏ trước đèn,
Phong tình cỏ lục còn truyền xử xanh.*
(Kiều)

*Phong xương được vẻ thiên-nhiên,
Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi.*
(Kiều)

*Khắp soi trong cõi ba nghìn.
Yên hà riêng nửa, lam tuyền chung đôi.*
(Bích câu kỳ ngộ)

Cùng một vần : *im, iêm, em, êm, yêm*, và những tiếng có nguyên-âm vần ghép ấy, Ví dụ :

*Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.* (K)
*Tưng bừng sắm sửa áo xiêm,
Biện dâng một lễ xa đem tác thành* (K)

Cùng một vần : *inh, anh, ênh* và những tiếng có nguyên-âm vần ghép ấy. Thí-dụ,

*Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Chân đi một bước, trăm tình ngẩn-ngơ.*
(Chinh-phụ ngâm)

*Nao-nao dòng nước cuốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.* (K)

Cùng một vần : *iu, iêu, eo, êu, ao, yêu*, và những tiếng có nguyên-âm vần ghép ấy, Thí-dụ :

*Dần dà sang tới Tràng-an,
Phố phường xe ngựa y quan dập dìu,
Dò la thăm hỏi mọi điều.
Nghe tên Ô-Thước, Lam-Kiều đầu đay.*
(Hoàng-Trừ)

*Áo-ào đồ lộc rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
Đề chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giầy tìm bước in rêu rành-rành.* (K)
*Xanh xanh dấy liễu ngàn thông,
Cỏ lan lối mực, rêu phong dấu tiều.
Một vùng non nước dịu-hiu.*
(Bích câu)

Cửa từ bí công đờc biết bao !
 Càng trông phong cảnh càng yếu,
 (Hương-sơn — Chu Mạnh-Trình)

Nàng thì vội trở buồng thêu
 Siu, h thì dạo gót sân đào vội ra. (K)
 Nên nhớ : tiếng đào, tiếng cao có thể đọc
 chạch ra điều, kiêu.

Cùng một vần : u, o, ô, ua, và những tiếng lập-
 thành có nguyên-âm, đơn hay là ghép ấy. Ví dụ :

Êm giới vừa tiết sang thu,
 Ngàn sương rắc bạc, lá ngô rụng vàng
 (Bích cầu)

Tranh niềm nhớ cảnh giang hồ,
 Một niềm quan tái, mấy mùa gió trăng. (K)
 Nên ghi : Tiếng châu chữ nho có khi đọc là
 chu, cho nên không sai vần trong những câu này :

Nàng Kiều công cả chẳng đền,
 Lĩnh quan lại bắt ép duyên thồ tù.
 Nàng đã gieo ngọc trầm châu
 Sông Tiền-đường ấy là mờ hồng-nhan. (K)
 Một người vừa gọi là cô,
 Con Dương Đô-đốc nhậm châu quận này.
 (Hoa Tiên)

Cùng vần : uôn, on, ôn, và những tiếng có
 nguyên âm ghép ấy. Thi-dụ :

Chập chờn con tỉnh con mê,
 Rón ngời chẳng tiện, rút về chốn khôn.
 Bóng tà như dục con buồn,
 Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo. (K)

Cùng vần : uôm, óm, và những tiếng có nguyên-
 âm ghép ấy. Ví dụ :

Buồn trông cửa bể gần hôm,
 Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa xa. (K)

Cùng vần : uân, ăn, ân, và những tiếng có
 nguyên-âm ghép ấy. Ví dụ :

Nôi riêng, riêng những bàn-hoàn,
 Dầu trong trắng đĩa, lệ chán thắm khan.
 Thủy-Vân chợt tỉnh giấc xuân,
 Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi han. (K)

Cùng vần : ung, ong, ông :

Lọt mảnh hây hây gió đông,
 Xôn xao tram nhị, náo nùng trăm hoa.
 (Hoàng Trừu)

Kề ra lẽ phải vô cùng,
 Được lòng bên nọ, mặt lòng bên kia.
 (Hoàng Trừu)

Trên non thấy bóng cây tùng
 Gượng lần lên đó đề hồng nghĩ ngợi.
 (Hoàng Trừu)

Ư, ư, ơ :

Nào người cử gió tuần mưa,
 Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.
 Một lời nói chẳng kịp thừa,
 Phút đầu trận gió cuốn cờ đến ngay. (K)
 Rành rành kẻ tóc chân tơ
 Mấy lời nghe hệt đã dư tỏ tường. (K)

Uông, ương, ang :

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
 Trông ra quạ đã ngậm gương non đoài. (K)
 Vội về thêm lầy cửa nhà,
 Xuyên vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.
 Bạc mây đón bước ngọn tường,
 Phải người hóm nọ rĩ-ràng chẳng nhe ! (K)
 Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
 Mà xem con tạo xoay vần đến đâu. (K)

Uây, ay, ăy :

Chàng Kim từ lại thư song,
 Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuấy.
 Sầu đông càng lắt càng đầy,
 Ba thu dọn lại một ngày dài ghê ! (K)

Ưi, ưi, ươi, uôi, oi, ôi, ơi, ai, oai :

Vua cha xem thấy mừng vui,
 Rắp tìm phò mã kén tài đồng lương.
 (Hoàng Trừu)

Nhác trông ngõ khách lâu đài,
 Ngư tiềm nhận lạc đáng người tiên cung.
 (Hoàng Trừu)

Mênh mông mặt nước chân trời,
 Tàu bè phứt đã ra ngoài đại dương.
 (Hoàng Trừu)

Ngày xuân con én đưa thoi,
 Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
 (Kiều)

Lòng thơ lai-láng bồi-hồi,
 Gốc cây lại vạch một bài cổ thi (K)
 (Còn nữa)
 DỖ-THÚC

DU-KÝ

Hanoi — Vientiane trong hai giờ

Số 1

VŨ-NHẬT

Từ khi có đường hàng không Hanoi — Vientiane, tôi vẫn nuôi cái ước-vọng là trong đời sẽ có một lần được hưởng chút thú « đi mây về gió ». Thỉnh-thoảng có dịp lên trường bay, trông thấy chiếc *Devoitine* ba máy không-lồ, ngấm những chỗ ngồi sang-trọng của nó, thì lòng ham muốn lại càng mạnh.

Chúng tôi, những tiểu công-chức, lương tháng chỉ suýt-soát trên dưới 100\$00, một lúc bỏ ra 100\$ để đi một chuyến tàu bay, không phải là một sự ngông-cuồng thì cũng phải là một sự hi-sinh về tiền tài để được thỏa mãn lòng hiếu kỳ.

Tháng Juin vừa rồi, tôi có dịp về Bắc chơi, lúc sang Vientiane, tôi định sang bằng tàu bay. Ông thân sinh ra tôi biết tin ấy, tỏ ý lo sợ và can tôi rằng: « Người ta khi muốn đi mau quá lại hóa ra chậm, mà đi thông-thả lại hóa ra đến mau hơn. Con nên đi đường bộ cho chắc chắn. »

Nhưng tôi không vâng lời cha. Giá chuyến đi ấy có xảy ra sự rủi ro thì chắc các bạn có thể cười tôi mà bảo: « Đáng đời cho đứa con bất hiếu ! »

Hôm ấy vào ngày thứ tư. Tối hôm trước, chúng tôi bận xếp hành lý và tiếp các bạn đến tiễn chân, mãi khuya mới đi ngủ. Vừa chợp mắt được một lúc thì tôi đã nghe chuông đồng hồ đánh thức. Chúng tôi đều dậy, còn vừa đủ thì-giờ để mặc quần áo và đi xe tay ra phòng giấy của hãng « Air France » ở phố Tràng-tiền. Theo lời hẹn, tôi phải

có mặt tại đây trước 5 giờ rưỡi. Xe đỗ, tôi lấy làm ngạc-nhiên và lo vì không thấy một ai, cửa phòng giấy còn đóng. Có lẽ chúng tôi đã đến chậm. Giờ tay nhìn đồng hồ thấy 4 giờ 35; lúc ấy mới yên dạ. Thì ra tối hôm trước, tôi đã để đồng-hồ đánh thức sớm đi 1 giờ, lúc thức dậy ai cũng yên trí nên không nhìn lại đồng-hồ. Tôi sợ các anh em cùng ở chung một nhà đều đi tiễn chân lúc ấy cười tôi có cái tính như anh chàng đi ăn tiệc đến sớm quá vì háu ăn, nên không dám nói.

Chúng tôi đứng đợi, em tôi đi mua được một mẩu bánh mì nhét vào túi tôi vì sợ tôi sẽ đói. Độ nửa giờ sau, dần dần những người giúp việc hăng đến mở cửa và làm việc; các hành khách lần lượt đến. Chiếc ô-tô ca đồ-sô đến đậu ở cửa phòng giấy hãng thì đồng hồ chỉ đúng 5 giờ 20. Một lát, chúng tôi lên chiếc xe ấy để xuống trường bay Bạch-mai. Những người đi tiễn chân đều ở lại đây; duy có em tôi một mình đi xe tay theo xuống tận trường bay.

Độ 6 giờ, ô-tô đến trường bay Bạch-mai, chúng tôi vào trong một cái nhà làm theo kiểu hangar nhưng có ngăn ra làm nhiều buồng. Chỗ dành hành khách ngồi đợi, chỗ làm buồng giấy của hãng, chỗ để càn, chỗ làm buồng giấy của các nhân-viên sở Liêm-phóng và Thương-chánh.

Chúng tôi ngồi đợi độ mười phút, cu-li đã mang hết các hành-lý của các hành-khách, phần nhiều đựng

trong valises da, xếp thành một hàng trên một chiếc ghế dài. Người ta lần lượt gọi cân hành lý và cân cả hành-khách nữa. Cần phải cân cả hành-khách để biết số cân mà tàu bay hôm ấy phải chở và xếp cho thăng-bằng. Người ta không thể kể từng đầu người vì có người cân chưa đến 40 kg mà cũng có người cân ngót 100 kg. Cân xong, tôi đưa trình giấy cân cước cho một nhân viên sở Liêm-phóng, rồi ra đứng ngoài hiên nói chuyện với em tôi cũng vừa đi xe tay xuống. Anh em chúng tôi cùng ngồi trên chiếc ghế dài trông ra sân bay. Sân rộng mênh-mông, thỉnh-thoảng một hào gió lướt qua làm rung-động « tấm thảm cỏ » trông như một cái mặt hồ hơi gợn sóng. Chúng tôi ngồi im nhìn những chiếc tàu bay nhà binh đua nhau bay lên hay hạ xuống, hoặc nói với nhau những câu chuyện rời-rạc. Thì ra tôi cũng như em tôi, lúc ấy có thì giờ nhàn rỗi mới nghĩ đến sự biệt-ly. Riêng tôi chỉ trong vài giờ nữa sẽ được vui-vẻ sum-vầy trong cảnh tiểu gia-đình, nhưng lòng vẫn nao-nao và cảm thấy một nỗi buồn man mác, vì đàn-nhạn sắp tạm phải chia hàng. Nhìn sang bên cạnh các bạn đồng hành người Pháp, đương cùng nhau đi đi lại lại cười nói vui vẻ.

Sáu giờ hai mươi năm, chúng tôi được gọi lên tàu. Chỉ các hành khách mà người ta đã phát trước một tấm « carte » mới được ra sân. Bước lên tàu, anh Xuân-Điện giúp việc cho hãng chỉ chỗ cho ngồi. Người ta đã xếp-đặt trước, như trong một bàn tiệc, mỗi chỗ ngồi có đặt sẵn một tấm carte có tên, nên không có sự chọn lựa hay tranh giành nhau chỗ ngồi tốt

kầu. Ngồi vào ghế, ngẩng lên nhìn cái gác đề hành lý trên cửa kính tôi đã thấy cái cặp da của tôi đề trên từ trước. Lúc ấy tôi mới sực nghĩ ra rằng từ lúc đến phòng giấy ở phố Tràng-tiền đến lúc này, tôi không phải bận đến đồ hành lý. Các việc chuyên-chở xếp-đặt và biên tên đều do những nhất-viên giúp việc hăng lo cả. Chúng tôi vừa ngồi yên chỗ, ba động cơ lần lượt quay. Nhìn qua cửa kính, thấy em tôi đứng cạnh một người bạn giúp việc sở Thiên-văn. Họ nhìn và vẫy tôi. Nhưng tôi không vẫy lại vì tôi biết họ không thể nhìn thấy tôi trong tàu được.

Anh Xuân-Điện đem phát cho hành-khách mỗi người một ít bông trắng để thút nút tai. Tiếng máy rú mạnh, tàu từ từ chuyển-động và bỏ trên sân như một chiếc ô-tô. Tốc-lực mỗi lúc một nhanh, bỗng tôi thấy tàu ngồi rất êm vì bánh xe không thấy lệt-sệt lăn trên đất, tôi biết lúc ấy tàu đã bắt đầu ở trên không. Nhìn lại, nhà cửa ruộng, đường đều thấy quay lộn, trông như những mảnh giấy trong cơn gió lốc: Ấy là lúc tàu liệng quanh. Lúc tàu bay thẳng, cảnh vật đằng sau từ từ đi lùi lại và nhỏ dần. Khi không thấy sân tàu bay, tôi mới ngồi hẳn xuống ghế. Anh Xuân-Điện lúc ấy đi mở các ống lấy gió cho mát.

Chuyến tàu ấy tất cả có 13 hành khách, trong số ấy có hai người Nam. Mọi người đều chăm-chú nhìn qua cửa kính để ngắm phong-cảnh. Ánh nắng buổi sáng của mặt trời lòa chiếu lên cảnh-vật. Nhìn vũ trụ, ta cảm thấy như nhuộm một màu tươi sáng. Dưới đất, những ruộng nước trông vừa to bằng chiếc chiếu, liên-tiếp nhau,

ta có thể tưởng tượng cái cảnh đồng bát-ngát của miền hạ lưu xứ Bắc-kỳ là một cái sân gạch không lỗ. Thỉnh-thoảng một con đường hay một con sông ngòng ngoèo chạy qua, trông chỉ như những vết rạn vỡ hay nứt nẻ của mặt đất. Đó đây, một vài làng xóm ẩn hiện dưới ngọn cây xanh, nhô lên giữa cánh đồng nước, trông như những cù lao ngoài bề.

Tàu bay rất êm, nhiều lúc tôi cứ tưởng là tàu vẫn ở một chỗ hay là bay rất chậm. Mỗi khi tàu bay xuyên qua, hay xát lên một đám mây, ta nhìn như mây chạy vụt rất nhanh lại đằng sau, bấy giờ mới hiểu được tốc-lực tàu. Cửa đóng

khít cả, nên tiếng động-cơ cũng không lây gì làm to và cũng không làm mình khó chịu. Hai người ngồi nói chuyện với nhau vẫn nghe được dễ dàng.

(Còn nữa)
VŨ-NHẬT

Sách mới

TRIẾT HỌC NIETZSCHE

của Nguyễn đình Thi giá 1p.95
Một triết lý của nghệ thuật. Một luồng
mắt nhìn vào tương lai loài người
Đã phát hành

TRIẾT HỌC KANT

156 trang - giá 1 \$ 50
VÀNG SAO của Chế lan Viên
trong « Tủ sách đẹp » giá 2 \$ 50
Nhà xuất bản VĂN VIỆT
49, Takou - Hanoi

RẺ ! HAY ! ĐẸP !

đó là 3 cái đặc-điểm các sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được:

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in MẠI-LINH - Hanoi

Tổng phát - hành

MỜI XUẤT BẢN

KIM - VÂN - KIỀU

Theo bản Pháp văn của ông Nguyễn văn-Vinh 330 trang khổ 17x23
có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4 \$ 00 một có lẽ mà

Loại giấy thường bán có 2 \$ 00 (cước 0 \$ 54)

Loại đặc biệt 7 \$ 00 (cước 0 \$ 60)

LƯU'C-KHẢO VIỆT-NGŨ'

Một bài khảo cứu có giá trị của ông Lê-văn-Ngũ
đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang)

Loại thường bán có . . . 0 \$ 50 (cước 0 \$ 32)

Loại đặc biệt (còn một cuốn) 4 \$ 00 (cước 0 \$ 47)

Sắp xuất bản

Thơ Ngụ - Ngôn

La Fontaine

Pháp-văn và bản dịch của ông Nguyễn-văn-Vinh

Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của Mạnh-Quỳnh

(150 trang) khổ to 17x23

Loại thường bán có 1 \$ 00 (cước 0 \$ 40)

Loại đặc biệt bán có 5 \$ 00 (cước 0 \$ 54)

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

SỐ 52

Ứng hơ NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

KIM-VÂN-KIỀU (bài nối)

Ở hồi « Kiều thất thân với Mã giám-sinh » câu 865 :

Đánh liều *đu cũng* rạng dần
(chép theo *Đoạn-trường tân-thanh*, kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu, tờ 22 'b), phường-bản chép là : « Nối mình *đu cũng* giã dần ».

Tiếng gá nghe đã gáy sồi mái tường. Phường-bản chép là « gáy 'thời', nghĩa là gáy một thời, một hồi.

Đoạn-trường thay, lúc làm-kỳ ! Phường-bản chép là « *phân-kỳ* ».

Vương-ông gánh tiệc tiền-hành đưa theo. Quan-văn-đường và Kim Vân Kiều truyện chú chép là « mở tiệc » ; bản quốc ngữ của ông Nguyễn văn Vĩnh in là « bày tiệc ».

Ngoài nhà chủ khách dập dìu,
Trong nhà huyền với một
Kiều ở trong. Các bản chép là : « Ngoài thì chủ khách dập-dìu », Một nhà huyền với một Kiều ở trong ».

Càng nhìn càng ứa giọt hồng.
Các bản chép là : « Nhìn càng lã-chã giọt hồng ».

Sống nhờ đất khách chết
chôn quê người. Ông Vĩnh chép là « thác chôn quê người ».

Mãi ngoài, nghĩ đã giục liền
ruồi đi. Quan-văn-đường và quyền chú-thích chép là « ruồi xe » ; ông Vĩnh chép là « Mãi ngoài, nghe đã giục liền ruồi xe ». Chữ nghĩ này là tiếng của Nghệ-Tĩnh,

như tiếng « nó », tiếng « hần » ở ngoài Bắc ta, nên cụ Kiều-oánh-Mậu viết « nhân » bằng chữ « nghi », thì người đọc hiểu ngay ; các bản nôm khác viết « thủ » bằng chữ « nghi » : chữ nghi ấy nghĩa là nghĩ-ngợi.

Xót con lòng nặng chì-chì.
Quyền chú-thích viết là « bệ bệ », ông Vĩnh viết là « chề-chề ».

Cực nhà đến nỗi chen vào tới người. Quan-văn-đường chép là « gửi vào tới người » ; quyền chú-thích chép là « Rất nhà đến nỗi chen vào tới người » ; ông Vĩnh chép là « Róp nhà đến nỗi mắc vào tới người ». Chữ thứ năm ở câu này, bản nôm của cụ Kiều-oánh-Mậu viết chấm thủy bằng chữ trăn, tôi lấy ý đọc là chữ *chen*, không dám chắc có đúng không.

Mai sau dầu đến thế nào. Ông Vĩnh chép là : « Mai sao dầu đến thế nào ».

Kìa gương nhật nguyệt nọ
dao quỉ thần. Quyền chú-thích viết là « Kìa gương ».

Đùng đùng gió giục mây vần.
Các bản chép là « mây Tần ».

Trông với gạt lệ chia tay. Các bản chép là « nhân tay ».

Góc trời thăm-thăm, đêm
ngày dăm dăm. Các bản chép là : « ngày ngày dăm dăm ».

Nàng thì dạm khách xa xăm.
Các bản chép là « cỏi khách ».

Bạc phau cầu giá, đen rằm
ngàn mây.

Ông Vĩnh chép là « Bạc thau ». Bạc phau đối với đen rằm, nghĩa

là trông vàng nước trắng phau-phau ; nếu dùng chữ *bạc thau* thì sai nghĩa.

Vi lau xan-xát hơi may.

Ông Vĩnh đọc là « Vi-lô ». Chữ *lư* nhĩa là lau : đã là nôm thì nên dùng chữ *lau*, cho người ta biết là cổ vi cổ lau ; vả lại các bản nôm viết thảo đầu chữ *lao*, thì không thể đọc là *lô* được, phải đọc là *lau*.

Rừng thu rõ biếc ố hồng.

Quan-văn-đường chép là « Rừng thu từng biếc ố hồng » ; quyền chú-thích chép là « Lầu thu từng biếc *xen* hồng » ; ông Vĩnh chép là « Rừng thu từng biếc *xen* hồng ». Cụ Kiều-oánh-Mậu cắt nghĩa « rõ biếc » ở kinh-bản là lốm-dốm biếc như nốt người lên đậu, ố hồng là sắc đỏ lan khắp một chòm, hóa ra sắc hơi vàng ».

Nghe chim như nhắc tấm
lòng thành hôn.

Kim Vân Kiều truyện chú, bản sáo của Bắc-cổ, số A B 233, tờ 69 b, dẫn một đoạn trong Thanh-tâm tài-nhân như sau : « Đi đến địa-phận Lâm-thanh, Kiều hỏi phu xe : « Đây là chỗ nào ? » Phu xe nói : « Đây là địa-phận Lâm-thanh ». Kiều lại hỏi : « Đến nhà rồi chứ ? » Phu xe đáp : « Còn đi độ vài ngày nữa, không xa đâu ». Kiều than rằng : « Quả nhiên không ngoài những điều ta đã liệu. Trên đường thấy cảnh thương tình, nước mắt khô, hơi thở ngắn, Kiều ngâm một bài thơ tứ tuyệt đề ghi lòng sầu oán. Thơ rằng « Đường quan-sơn gặp-gheñh nhìn chẳng tỏ, dấu

thần người lãng-mạn như dấu bèo trôi giạt không nổi. Chỉ có tình-si xem ra chẳng đi, như mây nổi, như giăng treo, đầy khắp núi sông ».

Thoạt trông nhòn-nhọt màu da.

Phưởng-bản chép là « lòn-lọt »; ông Vĩnh chép là « Thoắt trông lòn-lọt màu da ».

Trước xe bả-lả han chạo. Quan-văn-đường chép là « lỏi lả »; quyền chủ-thiên viết là « Trước xe mùn rờ han chạo »; ông Vĩnh chép là « Trước xe lỏi-la han chạo ».

Hương hoa hôm sớm phụng thờ. Các bản chép là : « Hương hôm hoa sớm phụng thờ ».

Cởi xiêm lột áo chán-chường. Ông Vĩnh chép là « lột áo sỡ-sàng ».

Trước bàn, sẽ nguyện mảnh hương lăm-rằm. Các bản chép là : « Trước thần ».

Bướm đi ong lại âm-âm tứ vi. Các bản chép là : « Bướm ong bay tại âm-âm tứ vi ».

Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tieu.

Cụ Kiều-oánh-Mậu chua rằng : « Ngạn-ngữ tàu có câu : « Chieu chieu han-thực, dạ dạ nguyên-tieu », nghĩa là ngày nào cũng như tết hàn-thực (sau đông-chi 105 ngày), đêm nào cũng như tết nguyên-tieu (đêm rằm tháng giêng). Cụ Nguyễn-Du đặt : « Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tieu » là vì ép vần, hoặc có lối đặt như thế để hiểu ý thôi ». (Đoạn-trường tân thanh, tờ 24b).

Tin nhận vượt, lá thơ bày. Các bản chép là : « Tin nhận vẫn, lá thơ bài ». Cụ Kiều-oánh-Mậu thích nghĩa rằng : « Nhận tín viết

chí, thì điệp tiền, trần, đa nhân chỉ già », nghĩa là phong thư nhận ở xa vượt đến, lá thơ bày trước mặt, ý nói nhiều người đến ». Như thế thì phải đọc là : « Tin nhận vượt, lá thơ bày ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 20
1 năm	3 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOR

Chuyên bán buôn và
nhận đặt khoán các
thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux,
shangtung, Lin, Faux tropical-
Tussor, Tussor demi-soie,
Toile de soie, de rayonne,
Toile tailleur, bao tải đựng
ngô, gạo, vãn vãn.

Nơi giao dịch :

2, Rue Strasbourg
HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0 \$ 50
bằng timbre để làm cước phí.

LƯỢC TRÍCH MỘT VÀI LỜI BÌNH PHẠM QUYỀN

Thi-Nhân Việt-Nam

(1932 - 1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

Trong số hơn 40 nhà thơ, trên phần nửa đều là người đương trong (Trung-ky). Ô lạ ! cái xứ gì cũng thua sút người ta — kể cả việc thi xe đạp — ai ngờ lại để ra làm thi-nhân thế vậy ! (TÂY-CHÍ, Tin mới).

Trong đoàn thể bọn làm thơ Việt nam, tôi chắc ai cũng vui mừng mà thấy được sum vầy trong một quán thơ và nghe những lời giới thiệu sáng suốt của đôi Hoài trước khi cùng nhau ngắm vịnh. Lời chán thành và thân mật của hai ông có một giọng hồn hậu khiến lòng người hớn hở và những khuynh hướng khác nhau trong lòng thơ cũng nhìn nhau đôi mắt tươi cười.

Chắc hẳn tập « THI NHÂN VIỆT NAM » cũng gây nên nhiều sự hiềm nghi trong nhiều người ; nhưng tôi cũng chắc rằng hai ông sẽ coi những lời không công minh là những hơi gió thoảng (THẾ LỮ).

« THI NHÂN VIỆT NAM » là quyển sách có giá trị nhất và viết công phu nhất trong năm vừa qua (LÊ I RANG KIỀU).

Hai tiên sinh đã có nhã ý đối với hết thầy các thi sĩ và có nhiệt thành đối với nền thi ca nước nhà. Một điều đó đã đủ cho người đọc quyển « THI NHÂN VIỆT NAM » đẹp lòng ích kỷ, đẹp tính ghen tị mà nghiêng mình kính phục (ĐÔNG HỒ).

Đầu tháng Jauvier sẽ có bán :

THI-NHÂN VIỆT-NAM

in lần thứ hai

muốn xem nhiều lời bình phẩm khác,
Xin hỏi prospectus ở : M. Nguyễn Đức Phiên, Boite postale 34 Huế

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG - TRÌ

Số 4

NGUYỄN HUY TƯỜNG viết

QUYNH Hoa định tâu, nhưng bắt gặp mắt sắc của Đặng phi, nang lại cúi đầu, tư biết uy quyền của mình không sao chống được với uy quyền chúa lễ kia.

Nguyễn Mai nói nhỏ với các bạn :

Người đẹp thế kia làm gì mà chẳng gáy vợ. Làm gì mà thằng Đặng Lân chẳng hoành hành !

(Chúa Tĩnh vương sau khi vào tham hàng con gái, cùng Đặng phi xem suốt đám hội, mua hoa quả, bánh trái, an uống như một người thường. Chúa lấy làm khoan khoái và lần la cho mãi đến gà gáy mới trở về thuyền. Chèo quế lại khơi xong Long trì, trong khi nhã nhạc tấu vang lừng, xen lẫn tiếng gà kết liễu hội Trung thu.

II

Thấy chưa đòi Nguyễn Mai, mọi người đều sững sốt. Bấy giờ mới tỉnh sượng. Bảo Kim cùng Trần Thành, Lưu Sĩ Trục và Nguyễn Mai đang ngồi uống trà nói chuyện bên đình trầm thom.

Nguyễn Mai thân nhiên, chàng làm bầm :

Chắc là việc hôm qua, « Cạn Trời » đã ton hót với chúa, và chúa đòi ta vào đề hỏi tội chứ gì. Thôi cứ đi.

Bảo Kim mặt thất sắc, hỏi người thị vệ :

Bác có biết chúa đòi gì không ?

Đáp : Tôi cũng không biết. Có lệnh thì tôi đi, thế thôi.

Nguyễn Mai bước xuống thêm, theo người thị vệ từ biệt Trần Thành, Lưu Sĩ Trục và Bảo Kim.

Bảo Kim nói :

Khi nào chúa cho ra thì anh lại ngay báo tin cho tôi biết nhé. Bực nhất là không hiểu việc gì cả.

Mai cười đáp :

→ Có lẽ việc hôm qua. Nhưng dẫu chết mà nói rõ cho chúa những cái lộng hành của thằng Đặng Lân thì cũng hử.

Bảo Kim nói :

→ Tôi mong rằng không phải vì việc nào động ở Long trì mà chúa gọi anh. Chứ nếu thực thì...

→ Thì nguy, phải không ?

Vì Tuyên phi thì quá nuông em, Đặng Lân muốn gì, bà cũng xin chúa cho bằng được. Chúa chưa từ chối bà việc gì bao giờ.

→ Chứ không phải lo cho tôi. Tôi tự có cách khu xử.

Trần Thành nói :

→ Vả không có lẽ vì một chuyện nhỏ ấy mà chúa làm tội anh. Công lao « hãn mã » đề đâu ?

Bảo Kim lắc đầu, nói :

Anh thực thà lắm. Anh chẳng thấy chán vạn người công thần chỉ vì một tội nhỏ mà chết cả đấy ư ? Vua chúa có luận công bao giờ ?

Nguyễn Mai nói :

→ Các chủ lời thôi lắm. Đề tôi đi.

Bảo Kim dùng dằng :

→ Em hầu chè mẩu thân xong rồi cũng sang phủ chúa xem sao.

Nguyễn Mai dặn :

→ Đừng làm kinh động bà nhé.

Nói xong bước ra sân và đi thẳng.

Nguyễn Mai với Bảo Kim, là chỗ quen biết từ lâu. Hai cụ thân sinh ra hai chàng là chỗ bạn đồng khoa và hai chàng là bạn đồng song. Chặng may Nguyễn Mai, bố mất sớm, nhà lại nghèo, nên phải thôi học. Vốn có sức hơn người, chàng năng khiếu đầu quân dự cuộc Nam phạt. Mẹ chàng, vợ chàng không bình lòng việc ấy. Mà quan Thị lang, trấn phủ Bảo Kim, cũng khuyên chàng bỏ cai ý định ấy đi, và hứa sẽ nuôi cho ăn đi học. Nhưng Mai

quả quyết vào Nam, và chỉ trong có mấy tháng, chàng đã lừng lẫm trong Nam ngoài Bắc. Từ chân linh tron, chàng đã lần lượt qua hết các ngạch nhà binh và sau bốn năm, nhảy lên hàng tướng giỏi của Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc, bậc danh tướng thời bấy giờ. Chàng được chúa Trịnh rất chú ý, nhất là vì chàng còn trẻ tuổi.

Trận đánh ở Phú xuân, chàng đã lập công đầu. Sau khi kinh đô chúa Nguyễn thất thủ, Hoàng Ngũ Phúc dâng biểu báo tiếp và sai chàng đem sổ quân công về nộp luôn thế. Về tới kinh, sau khi làm trọn công việc ủy thác của chủ tướng, chàng được tòa Chưởng phủ báo tin cho rằng, nhân dịp tết Trung thu, chúa vì quá yêu tài chàng, ban cho chàng cái đặc ân được vào dự buổi dạ hội ở Long trì. Chàng vui sướng vô cùng, vì đó là một cái ân hãn hữu.

Nhưng cái vui nhất của chàng là đã được gặp bạn Bảo Kim, tuy họ đã gặp nhau trong một trường hợp bực tức. Sau đó thì chàng về nghỉ ở nhà Bảo Kim...

Đương khi chinh chiến trong Nam, ba năm trước, chàng đã được tin quan Thị lang quá cố. Chàng biết Bảo Kim là một trạng phong lưu công tử, sinh trưởng ở một nhà thế tộc trâm anh, sung sướng hơn chàng nhiều. Vậy mà chàng vẫn ái ngại cho bạn, vì chàng coi Bảo Kim như một người nhu nhược cần phải có nhiều người che chở. Khi biết tin tang biến của bạn, chàng lấy làm áy náy, hồi hận không được gần bạn để an ủi và nâng đỡ Bảo Kim. Tuy ở xa, mà lúc nào chàng cũng chăm chú để ý đến người bạn thân ở chốn kinh hoa.

Thư từ của Bảo Kim và các tin

tức ngoài Bắc làm cho chàng rất yên tâm và vui mừng. Chàng biết rằng Bảo Kim đã chịu khó chăm học và đã nổi tiếng văn chương. Tuy Nguyễn Mai là người trọng thực tế, không ông thích hư văn và những người mơ mộng, nhưng chàng lại rất rộng lượng về đường ấy với Bảo Kim. Chàng lấy làm sung sướng mỗi khi nhận được thư của bạn, thường có kèm theo cả những bài thơ, bài phú, lời lẽ rất thiết tha và trang nhã. Những lúc việc binh rồi rảnh, chàng thường, mời mấy người bạn sang trại mình uống rượu, và khi đã ngà ngà say, chàng thường đứng dậy, cầm kiếm gõ nhịp, cất tiếng hào hùng mà ngâm thơ phú của người bạn phương xa. Những buổi ấy là những buổi vui nhất trong đời chiến sĩ của chàng, sau những buổi vui say sưa vì công hãm quân địch hay những buổi một mình một ngựa tung hoành phá vỡ vòng vây.

Nguyễn Thị lang phu nhân rất yêu Nguyễn Mai, tình yêu này do ở lòng thương mà ra. Thương vì chàng nghèo khổ từ thuở bé. Trong suốt thời kỳ chàng chinh chiến trong Nam, cụ lo ngay ngáy như một người mẹ. Thấy chàng trở về trông gàn guộc và uy phong, cụ hơn hờ vui mừng bảo chàng:

Bác trai khi trước cứ gàn cháu, bác cũng lấy làm lo. Nếu cháu nghe hai bác thế đâu được có ngày nay? Thôi, cũng bỏ cho cụ nhà và chị ấy bốn năm đằng đẳng những lo cùng sợ. Nay về đây, chúa thượng chưa có lệnh, hãy ở đây với bác và em, may ra được về quê thăm nhà cũng không biết chừng. Thành Dũng bây giờ lên mấy nhỉ?

Mai thưa:

— Thưa bác, cháu cũng không nhớ.

Phu nhân và mọi người cười ồ lên. Cụ nói:

— Bỏ thế thì đem ra đánh cho chết đi. Khi cháu đi, thành Dũng lên một, thì nam nay nó lên nam chục gì! Sau này cho nó theo học võ, chứ học văn như chủ Kim, trôi gò không

nổi thì chỉ hại còm nước Triều đình. Nhưng thôi để bác sửu một bữa rượu mừng cháu, nhân tiện cho mời các bạn Kim đến chơi cho thật đông đủ, bỏ lúc cháu một mình một bóng ở lặn chân trời.

Và ngay sang hôm sau, trong biệt thự của quan cố Nguyễn Thị lang, một bữa tiệc linh đình đã đặt để đãi Nguyễn Mai. Ngoài Bảo Kim ra người ta còn nhận thay trong bữa tiệc ấy sáu người bạn cùng đi chơi với Bảo Kim buổi dạ hội ở Long trì...

Nguyễn Mai đi rồi thì phu nhân vừa dậy. Sau khi nghe Bảo Kim thuật rõ câu chuyện, phu nhân giận chán nói:

— Thế có khổ cho anh ấy không? Mẹ đã bảo các con không nên giằng đến đám Đặng Tuyên phi. Sao các con cứ lười thôi.

Bảo Kim vừa pha chè hầu mẹ, vừa thưa:

— Thưa mẹ, thực ra chúng con có muốn lười thôi đâu, nhưng nó làm quá lắm!

— Đến quan đại thần nó còn không kiêng nể, huống chi là mình. Chị đã thỏa, em du côn, thế mà chúa tin được!... Thấy nó thì tránh đi có được không, bây giờ thì làm thế nào?

— Thưa mẹ, chốc nữa con đi ra sao. Vả, thưa mẹ, đó chỉ là đoán phỏng đấy thôi, chứ đã biết chúa đòi anh Mai vào việc gì? Nghe đâu chúa vẫn khen anh Mai là trí dũng song toàn. Ngài vẫn muốn xem mặt anh Mai, vì anh là người trẻ nhất trong hàng tướng tá của ngài. Biết đâu ngài lại không triệu anh Mai vào để ban khen?

— Được thế thì hay lắm, nhưng chắc gì! Chúa bao giờ lại thêm tiếp một lên tỵ tỵ. Chắc con đi họ Đặng nó ton hót cái gì, nên mới có lệnh đòi anh ấy chứ. Chán quá, có làm sao thì thực là khổ cho bà cụ và chị Mai, nhất là đứa con thơ.

Cụ nhấp chén nước, rồi tiếp:

— Nghĩ mà thương hại anh ấy. Khổ từ bé, đến bây giờ chưa hết

khổ hay sao? Thực là số vất vả.

Trong khi ấy thì Nguyễn Mai đang dạo bước theo ng rờ thì về cầm đèn lồng đi trước. Tôi cũng phủ chúa, trời đã lờ mờ sáng. Người thì về vào trước. Một lúc lâu, một người nội giám đi ra, cúi đầu t i lễ, rồi nói:

— Tương quân theo tôi.

Nguyễn Mai lặng lặn theo vào. Chàng có cái cảm giác như một con chim sẽ lạc vào một nơi xa lạ và vĩ đại. Chàng bối ngỡ trước những lâu đài tráng lệ và quy mô hùng vĩ của phủ chúa. Càng vào càng thấy huy hoàng. Nguyễn Mai tự cảm thấy mình nhỏ bé.

Trong bốn năm chinh chiến, chàng đã luyện lòng tự chủ. Vạy mà trước cái cảnh uy nghiêm lớn kinh này, chàng cũng thấy rợn ng rờ.

Có tiếng ở trong sang sảnh truyền ra:

Cho vào.

Chàng theo người nội giám. Bước lên thềm, qua cánh cửa chạm rồng, qua chiếc bình phong nhơn, Nguyễn Mai vào một gian phòng rộng và sâu, cột cao và cùng với sàn, đều sơn đỏ tía. Cầu đôi nét vàng rực rỡ. Giữa nhà có treo một cái đèn rất to, lồng trong một cái khung bát giác sơn son thếp vàng và có tua rủ xuống. Đèn hũy còn thấp. Trong cùng, treo trên tường một bức thêu « Tô Vũ mục dương » trước có kê một chiếc sập lớn. Trên sập hai bên rải đệm vóc, giữa bày chiếc kỷ. Một vị ngồi trên sập, lưng tựa vào chõng gói xếp, Nguyễn Mai nhận ngay ra là Tĩnh vương Trịnh Sím mà chàng nhận được mặt trong đám hội Long trì. Xát vào sập có kê một chiếc ghế lớn một vị đại thần ngồi.

Nguyễn Mai liền đến chỗ treo đèn, Chàng phủ phục và hô:

— Thiên tuế!

Và chàng nằm rạp xuống chờ lệnh. Một lúc lâu Tĩnh vương phán:

(còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỜNG

25-12-42 có bán

NGHIÊN CỨU VÀ PHÊ BÌNH

Nguyễn Du

VA

Truyện Kiều

của NGUYỄN-BẠCH-KHOA

Duyệt lại và phê bình những ý kiến về Nguyễn Du và truyện Kiều của các nhà văn học xứ ta suốt một thế kỷ (Lập trai, Nguyễn công Trứ, Tân Đà, Yên Đồ, Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc khoáng, Đào duy Anh, Hoài Thanh...)

Sách dày 350 trang — Giá 3 \$ 50

Có in nhiều bản giấy đẹp hảo hạng giá từ 12 \$ đến 50 \$: ai muốn mua hỏi :

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC

71, Phố Tiền Tsin, Hanoi

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Phap

1p.00 một vé

NHỮNG SÁCH CỦA**Lê-Thăng xuất bản**

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

- 1-) Tiền học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Đánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p. 25
- 2-) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim 2p. 50
- 3-) Grammaire Annamite Trần-trọng-Kim 3p. 50
- 4-) Phật lục, Trần-trọng-Kim, 0p. 80
- 5-) De Hanoi à la Courline Phạm-duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thờng và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

Mấy cuốn sách giá-trị của

QUỐC-HỌC THU-XÃ

ĐẠO SÔNG

sách thờng 2 \$ 00

sách đẹp 4 \$ 00

« J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieusement présentés de chacune de ses doctrines. Je vous félicite... »

P. DELSALLE

Resident Supérieur au TONKIN

Những sách như sách Đạo Sông này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ Phạm-Quỳnh

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

sách thờng 1 \$ 50

sách đẹp 3 \$ 00

A la fois sinologue et artiste, Ng. x. Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration émus des résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant qu'à l'esprit, parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes...

... La forme en est agréable, discrètement pittoresque...
Nguyễn-van-Tổ

THI THOẠI

Dầy non 800 trang giá 2p.

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p40 cước thư từ ngân phiếu để cho

O. Lê-văn-Hòa giám đốc Quốc Học Thư Xã
16 bis Tien Tsin Hanoi

NGÔ TẤT TỔ**THI VĂN BÌNH CHÚ**

Đã xuất bản quyển I

Giá bán : 0 \$ 80

15 Décembre sẽ ra quyển II

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước 0 \$ 30

cho Nhà xuất bản TÂN - DÂN

93, Rue du Coton, Hanoi

Không gửi cách lĩnh hóa giao ngân

Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân — 70, Bach-Mai Hanoi

Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán